

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT chuyên Lê Quý Đôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
1	110001	Nguyễn Gia Hoài An	x	27/03/2010	THCS Hòa Hội	7.50	8.50	7.25	3.00	Chuyên Văn	29.25	23.25
2	110002	Nguyễn Hoài An	x	23/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.00	9.00	5.00	Chuyên Văn	36.50	26.50
3	110003	Bùi Thị Khánh An	x	19/07/2010	THCS Thắng Nhất	8.25	8.75	8.25	4.00	Chuyên Văn	33.25	25.25
4	110004	Trần Bảo Anh	x	05/04/2010	THCS Phú Mỹ	8.25	9.00	9.25	4.25	Chuyên Văn	35.00	26.50
5	110005	Nguyễn Hải Anh	x	27/10/2010	THCS Thắng Nhất	8.25	9.00	6.75	5.50	Chuyên Văn	35.00	24.00
6	110006	Phạm Lê Minh Anh	x	11/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.25	9.50	5.50	Chuyên Văn	38.50	27.50
7	110007	Đỗ Lê Vân Anh	x	25/03/2010	THCS Châu Đức	8.50	9.00	8.25	5.75	Chuyên Văn	37.25	25.75
8	110008	Nguyễn Ngọc Anh	x	16/09/2010	THCS Duy Tân	8.25	8.75	9.25	4.50	Chuyên Văn	35.25	26.25
9	110009	Trịnh Nguyễn Văn Anh	x	29/05/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.50	9.00	8.00	4.00	Chuyên Văn	33.50	25.50
10	110010	Trần Phạm Minh Anh	x	05/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	8.50	8.75	4.00	Chuyên Văn	33.00	25.00
11	110011	Lý Phạm Ngọc Anh	x	15/11/2010	THCS Hoà Hiệp	8.50	8.75	9.25	3.75	Chuyên Văn	34.00	26.50
12	110012	Tô Thị Kim Anh	x	31/01/2010	THCS Phước Thắng	8.00	9.00	7.50	5.50	Chuyên Văn	35.50	24.50
13	110013	Trần Thị An Bình	x	20/04/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	9.00	2.75	Chuyên Văn	30.75	25.25
14	110014	Đặng Huy Cường		07/09/2010	THCS Trần Phú	8.25	8.75	9.50	3.50	Chuyên Văn	33.50	26.50
15	110015	Võ Ngọc Diễm	x	29/10/2010	THCS Nguyễn Du	8.00	8.50	8.50	3.50	Chuyên Văn	32.00	25.00
16	110016	Trần Thị Thùy Dung	x	29/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.25	9.50	9.00	5.50	Chuyên Văn	37.75	26.75
17	110017	Trần Nguyễn Hiền Duyên	x	20/11/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.00	9.50	3.75	Chuyên Văn	33.75	26.25
18	110018	Nguyễn Việt Dũng		27/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.50	3.00	Chuyên Văn	32.25	26.25
19	110019	Tạ Thùy Dương	x	09/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.50	6.50	Chuyên Văn	40.00	27.00
20	110020	Phan Hà Giang	x	23/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	8.50	9.50	5.00	Chuyên Văn	35.50	25.50
21	110021	Nghiêm Quỳnh Giang	x	12/02/2010	THCS Phước Thắng	7.50	9.00	7.00	4.50	Chuyên Văn	32.50	23.50
22	110022	Nguyễn Thu Khánh Giang	x	14/11/2010	THCS Duy Tân	8.00	9.00	9.50	3.50	Chuyên Văn	33.50	26.50
23	110023	Lê Ngọc Hà	x	11/01/2010	THCS Phước Thắng	8.00	8.25	7.75	4.00	Chuyên Văn	32.00	24.00
24	110024	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	06/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	8.50	7.75	2.50	Chuyên Văn	28.00	23.00
25	110025	Trần Thị Bảo Hân	x	20/02/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.75	9.00	9.25	6.00	Chuyên Văn	39.00	27.00
26	110026	Trần Huy Hoàng		05/04/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.00	8.50	7.50	4.25	Chuyên Văn	32.50	24.00
27	110027	Chế Gia Huy		11/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.50	0.75	Chuyên Văn	28.00	26.50
28	110028	Trần Quang Huy		03/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	8.75	8.75	4.00	Chuyên Văn	33.50	25.50
29	110029	Bùi Thị Khánh Huyền	x	24/06/2010	THCS Phước Thắng	8.00	8.50	9.50	4.00	Chuyên Văn	34.00	26.00
30	110030	Bùi Quỳnh Hương	x	19/06/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.75	8.75	8.50	6.50	Chuyên Văn	39.00	26.00
31	110031	Nguyễn Thị Cẩm Hương	x	21/05/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.75	9.00	9.00	4.75	Chuyên Văn	36.25	26.75
32	110032	Trần Thu Hương	x	27/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.75	4.50	Chuyên Văn	36.25	27.25
33	110033	Thang Minh Hy		11/08/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.50	8.75	4.25	Chuyên Văn	32.75	25.25
34	110034	Trần Văn Khánh	x	02/03/2010	THCS Phước Thắng	9.00	9.00	9.50	7.00	Chuyên Văn	41.50	27.50
35	110035	Đỗ Gia Khiêm		29/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.50	9.50	6.00	Chuyên Văn	37.00	25.00
36	110036	Trần Anh Kiệt		11/03/2010	THCS Duy Tân	8.50	9.25	9.25	5.50	Chuyên Văn	38.00	27.00
37	110037	Lê Hà Linh	x	13/06/2010	THCS Phước Hòa	7.50	8.50	9.00	5.50	Chuyên Văn	36.00	25.00
38	110038	Phạm Hà Trúc Linh	x	21/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.50	9.25	4.75	Chuyên Văn	34.25	24.75
39	110039	Nguyễn Hoàng Linh	x	05/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	8.75	9.25	6.25	Chuyên Văn	37.00	24.50
40	110040	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	x	12/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	8.75	8.75	7.00	Chuyên Văn	40.25	26.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
41	110041	Đinh Nguyễn Yến Linh	x	27/01/2010	THCS Châu Văn Biểc	7.25	7.75	8.50	4.25	Chuyên Văn	32.00	23.50
42	110042	Đoàn Phạm Khánh Linh	x	30/08/2010	THCS Phước Thắng	7.75	9.00	8.75	4.25	Chuyên Văn	34.00	25.50
43	110043	Nguyễn Phương Linh	x	04/09/2010	THCS Trần Phú	7.75	8.25	7.50	5.75	Chuyên Văn	35.00	23.50
44	110044	Phan Thị Thuý Linh	x	06/06/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	9.00	9.00	7.75	5.50	Chuyên Văn	36.75	25.75
45	110045	Nguyễn Tường Linh	x	07/10/2010	THCS Phước Thắng	7.00	8.75	8.50	5.25	Chuyên Văn	34.75	24.25
46	110046	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	x	07/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.25	5.00	Chuyên Văn	36.00	26.00
47	110047	Võ Ngọc Xuân Mai	x	16/03/2010	THCS Hắc Dịch	8.25	8.50	7.00	4.50	Chuyên Văn	32.75	23.75
48	110048	Nguyễn Thanh Thảo Mai	x	27/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.50	6.50	3.75	Chuyên Văn	29.50	22.00
49	110049	Nguyễn Thị Thanh Mai	x	18/07/2010	THCS Trần Phú	8.00	8.50	7.75	5.00	Chuyên Văn	34.25	24.25
50	110050	Trương Vũ Quỳnh Mai	x	10/09/2010	THCS Trần Phú	8.00	9.00	8.25	6.75	Chuyên Văn	38.75	25.25
51	110051	Đỗ Hồng Minh	x	06/12/2009	THCS Võ Trường Toản (VT)	5.50	8.50	8.75	4.25	Chuyên Văn	31.25	22.75
52	110052	Nguyễn Hồng Minh	x	05/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	9.00	8.75	6.25	Chuyên Văn	38.25	26.75
53	110053	Nguyễn Hồng Minh	x	29/11/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	9.00	9.25	5.00	Chuyên Văn	36.25	26.25
54	110054	Nguyễn Ngọc Thảo My	x	26/01/2010	THCS Phước Thắng	7.00	8.75	8.00	5.25	Chuyên Văn	34.25	23.75
55	110055	Nguyễn Phương Trà My	x	08/02/2010	THCS Trần Phú	6.50	6.75	6.75	4.75	Chuyên Văn	29.50	20.00
56	110056	Phạm Ngọc Mỹ	x	14/04/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.25	9.00	8.50	5.75	Chuyên Văn	37.25	25.75
57	110057	Nelson Trịnh Huyền Nga	x	03/07/2009	TH-THCS-THPT Happy Schod	6.75	9.00	8.50	3.75	Chuyên Văn	31.75	24.25
58	110058	Võ Khánh Ngân	x	01/01/2010	THCS Châu Đức	7.75	8.25	8.00	2.75	Chuyên Văn	29.50	24.00
59	110059	Ngô Kim Ngân	x	17/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	8.75	9.25	2.25	Chuyên Văn	30.25	25.75
60	110060	Bùi Ngọc Ngân	x	28/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.25	5.75	Chuyên Văn	37.75	26.25
61	110061	Bùi Quỳnh Ngân	x	18/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	8.00	8.75	5.00	Chuyên Văn	35.00	25.00
62	110062	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	x	18/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.00	8.75	7.00	Chuyên Văn	40.25	26.25
63	110063	Phan Khánh Ngọc	x	20/07/2010	THCS Châu Thành	7.75	9.00	8.50	5.75	Chuyên Văn	36.75	25.25
64	110064	Hồ Kim Ngọc	x	19/09/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	6.50	7.50	7.50	3.00	Chuyên Văn	27.50	21.50
65	110065	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	x	05/07/2010	THCS Phước Thắng	8.00	9.00	9.50	5.75	Chuyên Văn	38.00	26.50
66	110066	Đinh Đoàn Thảo Nguyên	x	31/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.50	5.00	Chuyên Văn	36.25	26.25
67	110067	Nguyễn Thảo Nguyên	x	30/01/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.25	8.75	9.25	6.75	Chuyên Văn	39.75	26.25
68	110068	Lý Thủy Nguyên	x	01/10/2010	THCS Lê Quang Cường	8.25	8.50	8.75	5.25	Chuyên Văn	36.00	26.50
69	110069	Phạm Trần Bảo Nguyên	x	13/11/2008	THCS Kim Đồng	7.25	8.75	9.25	7.50	Chuyên Văn	40.25	25.25
70	110070	Thân Thị Minh Nguyệt	x	13/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.00	9.25	6.50	Chuyên Văn	39.50	26.50
71	110071	Đỗ Thị Thanh Nhân	x	12/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	9.00	8.25	6.00	Chuyên Văn	37.25	25.25
72	110072	Trương Nguyễn Trang Nhung	x	21/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.00	8.75	9.75	4.50	Chuyên Văn	35.50	26.50
73	110073	Văn Huỳnh Như	x	21/09/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	7.50	8.75	3.75	Chuyên Văn	30.00	23.50
74	110074	Nguyễn Phương Quỳnh Như	x	06/10/2010	THCS Lê Quang Cường	7.75	7.50	8.75	6.00	Chuyên Văn	36.00	24.00
75	110075	Trần Mai Phương	x	11/02/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.75	9.00	9.25	4.75	Chuyên Văn	35.50	26.00
76	110076	Nguyễn Minh Phương	x	30/07/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	6.50	9.00	8.75	3.50	Chuyên Văn	31.25	24.25
77	110077	Nguyễn Đoàn Gia Phước	x	02/06/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	8.75	8.50	4.75	Chuyên Văn	34.75	25.25
78	110078	Mai Xuân Bảo Quỳên	x	26/07/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.00	8.75	8.50	5.50	Chuyên Văn	36.25	25.25
79	110079	Hoàng Thị Như Quỳnh	x	12/05/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	8.75	8.75	5.00	Chuyên Văn	35.25	25.25
80	110080	Hoàng Nguyễn Phương Thảo	x	09/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	8.25	5.75	Chuyên Văn	38.00	26.50
81	110081	Nguyễn Trần Phương Thảo	x	27/02/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	9.00	9.25	4.00	Chuyên Văn	34.25	26.25
82	110082	Hoàng Anh Thơ	x	11/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.50	8.75	8.25	5.00	Chuyên Văn	35.50	25.50
83	110083	Bùi Thanh Thuý	x	14/09/2010	THCS Trần Phú	8.75	9.50	9.00	7.00	Chuyên Văn	41.25	27.25
84	110084	Bùi Bích Thủy	x	28/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.00	8.75	4.75	Chuyên Văn	34.25	24.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
85	110085	Nguyễn Đoàn Thanh Thủy	x	25/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	8.75	9.75	6.25	Chuyên Văn	39.25	26.75
86	110086	Phạm Phương Thúy	x	12/12/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.00	8.50	8.25	5.75	Chuyên Văn	35.25	23.75
87	110087	Nguyễn Anh Thư	x	16/05/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.75	8.75	8.00	6.00	Chuyên Văn	36.50	24.50
88	110088	Trần Anh Thư	x	01/03/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	8.75	8.75	5.00	Chuyên Văn	35.50	25.50
89	110089	Lưu Hoàng Thư	x	05/01/2010	THCS Nguyễn Du	7.75	8.50	9.00	4.50	Chuyên Văn	34.25	26.25
90	110090	Nguyễn Thanh Thương	x	03/12/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	8.75	9.25	5.00	Chuyên Văn	36.00	26.00
91	110091	Dương Thị Ngân Thương	x	10/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.25	9.00	6.50	Chuyên Văn	39.50	28.00
92	110092	Bùi Phạm Huyền Trâm	x	11/07/2010	THCS Vũng Tàu	8.75	9.00	9.25	5.25	Chuyên Văn	37.50	27.00
93	110093	Phan Thanh Trúc	x	12/05/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.75	7.75	5.75	4.25	Chuyên Văn	29.75	21.25
94	110094	Đặng Lê Quang Trường		20/11/2009	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	7.50	7.75	7.50	4.25	Chuyên Văn	31.25	22.75
95	110095	Lê Huỳnh Cát Tường	x	23/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	8.00	8.00	7.25	4.25	Chuyên Văn	31.75	23.25
96	110096	Nguyễn Phương Uyên	x	20/08/2010	THCS Duy Tân	7.25	8.75	6.75	5.00	Chuyên Văn	32.75	22.75
97	110097	Bùi Thảo Uyên	x	16/11/2010	THCS Thắng Nhất	7.75	8.00	6.75	3.50	Chuyên Văn	29.50	22.50
98	110098	Nguyễn Hồng Vân	x	09/03/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.50	9.25	5.00	Chuyên Văn	36.25	26.25
99	110099	Đỗ Hoàng Khánh Vy	x	19/06/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.50	9.00	9.50	5.25	Chuyên Văn	37.50	27.00
100	110100	Vũ Kiều Vy	x	25/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.75	8.00	8.50	2.00	Chuyên Văn	27.25	23.25
101	110101	Nguyễn Nguyễn Trúc Vy	x	23/10/2010	THCS Trần Phú	8.00	9.50	9.50	4.50	Chuyên Văn	36.00	27.00
102	110102	Nguyễn Vũ Phương Vy	x	25/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.50	9.25	6.75	Chuyên Văn	40.50	27.00
103	110103	Lê Dương Bảo Yến	x	27/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	8.50	8.50	4.50	Chuyên Văn	33.25	24.25
104	110104	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	x	04/03/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	6.75	8.25	7.00	3.25	Chuyên Văn	28.50	22.00
105	110105	Bùi Phan An		13/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	9.00	8.00	4.50	Chuyên Toán	32.00	23.00
106	110106	Nguyễn Phương An	x	04/05/2010	THCS Vũng Tàu	8.50	9.75	9.50	9.00	Chuyên Toán	45.75	27.75
107	110107	Chu Phương Bảo An	x	17/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.50	9.50	6.75	Chuyên Toán	40.75	27.25
108	110108	Đinh Vũ Bình An		18/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.00	9.00	9.25	4.75	Chuyên Toán	35.75	26.25
109	110109	Nguyễn Anh		14/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	8.75	7.25	2.50	Chuyên Toán	27.75	22.75
110	110110	Nguyễn Đình Tấn Anh		19/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.75	7.00	Chuyên Toán	41.25	27.25
111	110111	Hoàng Hà Anh	x	01/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.50	9.50	9.50	7.00	Chuyên Toán	41.50	27.50
112	110112	Trịnh Minh Anh	x	03/01/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.25	10.00	9.00	4.75	Chuyên Toán	35.75	26.25
113	110113	Phạm Nguyễn Hoàng Anh		02/07/2010	THCS Thắng Nhất	6.50	9.00	8.50	3.75	Chuyên Toán	31.50	24.00
114	110114	Thái Phạm Quỳnh Anh	x	27/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	10.00	9.50	6.50	Chuyên Toán	41.00	28.00
115	110115	Lê Quốc Anh		13/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	8.25	9.50	9.00	5.75	Chuyên Toán	38.25	26.75
116	110116	Nguyễn Quỳnh Anh	x	12/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.75	9.50	8.00	5.00	Chuyên Toán	35.25	25.25
117	110117	Nguyễn Thái Thủy Anh	x	09/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.50	9.00	9.00	6.00	Chuyên Toán	38.50	26.50
118	110118	Dương Thùy Anh	x	14/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	8.75	7.25	7.00	Chuyên Toán	36.75	22.75
119	110119	Bùi Việt Anh		29/01/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	9.25	9.50	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
120	110120	Nguyễn Ngọc Ánh	x	31/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.00	7.50	4.50	Chuyên Toán	33.00	24.00
121	110121	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	x	21/06/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.00	8.75	8.00	4.50	Chuyên Toán	33.75	24.75
122	110122	Lê Hoàng Ân		23/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.75	9.50	7.25	Chuyên Toán	42.50	28.00
123	110123	Nguyễn Hồ Thiên Ân		19/02/2010	THCS Hắc Dịch	7.50	9.00	9.00	5.00	Chuyên Toán	35.50	25.50
124	110124	Lê Văn Hoàng Ân		24/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.50	8.25	6.00	Chuyên Toán	35.50	23.50
125	110125	Nguyễn Đăng Bảo		09/08/2009	THCS ngoài tỉnh					Chuyên Toán	0.00	2.00
126	110126	Dương Gia Bảo		06/09/2010	THCS Vũng Tàu	8.00	9.50	9.25	7.00	Chuyên Toán	40.75	26.75
127	110127	Mai Hoàng Bảo		06/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
128	110128	Phạm Minh Bảo		27/05/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	37.75	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
129	110129	Phan Đình Bách		06/07/2010	THCS Duy Tân	6.75	9.50	9.00	3.75	Chuyên Toán	32.75	25.25
130	110130	Trần Viên Bách		28/09/2010	THCS Thắng Nhất	8.75	9.50	9.75	7.25	Chuyên Toán	42.50	28.00
131	110131	Lê Hoàng Bắc		30/07/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.00	9.50	9.50	7.00	Chuyên Toán	41.00	27.00
132	110132	Nguyễn Hòa Bình	x	24/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.50	9.50	7.00	Chuyên Toán	41.50	27.50
133	110133	Lê Nguyên Bình	x	14/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.50	9.25	5.00	Chuyên Toán	36.75	26.75
134	110134	Nguyễn Quốc Bình		19/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.25	9.50	6.50	Chuyên Toán	39.50	26.50
135	110135	Lưu Thanh Bình		21/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.25	9.50	9.25	4.75	Chuyên Toán	35.50	26.00
136	110136	Vũ Ngọc Bích	x	18/05/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.50	9.25	4.25	Chuyên Toán	35.25	26.75
137	110137	Hoàng Thị Ngọc Bích	x	25/09/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.75	9.25	8.75	7.75	Chuyên Toán	42.25	26.75
138	110138	Trần Huỳnh Ngọc Châu	x	26/03/2010	THCS Văn Lương	6.50	9.25	9.50	3.50	Chuyên Toán	32.25	25.25
139	110139	Nguyễn Thị Minh Châu	x	27/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.00	9.00	3.50	Chuyên Toán	32.75	25.75
140	110140	Đỗ Mai Chi	x	10/11/2010	THCS Huỳnh Tịnh Của	8.25	9.00	8.00	7.00	Chuyên Toán	39.25	25.25
141	110141	Nguyễn Trí Cường		02/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	6.50	9.50	8.25	6.50	Chuyên Toán	37.25	24.25
142	110142	Trần Việt Cường		12/10/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	8.75	5.25	Chuyên Toán	36.25	25.75
143	110143	Phạm Trần Thế Danh		01/03/2010	THCS Duy Tân	6.50	8.75	7.50	2.00	Chuyên Toán	26.75	22.75
144	110144	Nguyễn Trường Danh		18/06/2010	THCS Châu Đức	7.25	10.00	10.00	8.25	Chuyên Toán	43.75	27.25
145	110145	Trần Thiên Di		03/08/2010	THCS Phước Thắng	7.75	9.25	9.00	7.25	Chuyên Toán	40.50	26.00
146	110146	Vũ Ngọc Diệp	x	17/07/2010	THCS Phước Thắng	8.75	9.00	9.25	8.25	Chuyên Toán	43.50	27.00
147	110147	Cao Thị Ngọc Dung	x	21/08/2010	THCS Quảng Thành	8.00	9.00	7.25	6.00	Chuyên Toán	36.25	24.25
148	110148	Cao Hoàng Duy		09/09/2010	THCS Kim Đồng	7.25	10.00	9.00	5.00	Chuyên Toán	36.25	26.25
149	110149	Phạm Lê Thanh Duy		18/02/2010	THCS Lê Quang Cường	6.75	9.50	8.25	5.00	Chuyên Toán	34.50	24.50
150	110150	Lê Như Thành Duy		30/01/2010	THCS Bàu Lắm	7.50	9.00	9.25	4.25	Chuyên Toán	34.25	25.75
151	110151	Nguyễn Chí Dũng		11/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.25	8.00	Chuyên Toán	42.75	26.75
152	110152	Hà Đức Dũng		13/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.50	8.75	7.25	Chuyên Toán	39.00	24.50
153	110153	Hoàng Minh Trí Dũng		15/01/2010	THCS Trần Phú	4.50	9.50	8.75	4.00	Chuyên Toán	30.75	22.75
154	110154	Đặng Quang Dũng		02/01/2010	THCS Hoà Hiệp	6.75	9.50	9.25	6.00	Chuyên Toán	37.50	26.50
155	110155	Nguyễn Tiến Dũng		14/07/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.00	9.25	7.75	6.50	Chuyên Toán	37.00	24.00
156	110156	Phạm Trung Dũng		23/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.25	9.25	6.75	Chuyên Toán	39.75	26.25
157	110157	Nguyễn Việt Dũng		03/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	10.00	9.25	6.50	Chuyên Toán	39.50	26.50
158	110158	Nguyễn Võ Đức Dũng		14/07/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.50	9.50	9.50	6.50	Chuyên Toán	39.50	26.50
159	110159	Nguyễn Thế Hải Dương		12/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	8.50	7.00	Chuyên Toán	39.00	25.00
160	110160	Hoàng Linh Đan	x	26/01/2010	THCS Duy Tân	7.75	9.50	9.50	6.75	Chuyên Toán	40.25	26.75
161	110161	Nguyễn Phúc Đại		07/07/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.25	9.75	9.00	6.25	Chuyên Toán	38.50	26.00
162	110162	Đặng Quốc Đại		11/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	10.00	10.00	7.25	Chuyên Toán	41.50	27.00
163	110163	Nguyễn Minh Đạt		22/09/2010	THCS Kim Đồng	6.75	9.25	9.25	5.00	Chuyên Toán	35.25	25.25
164	110164	Đào Hải Đăng		27/08/2010	Học viện Anh Quốc	5.00	8.50	8.00	4.75	Chuyên Toán	31.00	21.50
165	110165	Lương Hải Đăng		10/04/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.50	9.50	9.25	5.50	Chuyên Toán	37.25	26.25
166	110166	Nguyễn Hoàng Hải Đăng		28/03/2010	THCS Thắng Nhất	7.25	9.00	9.00	5.00	Chuyên Toán	35.25	25.25
167	110167	Nguyễn Võ Minh Đăng		27/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.25	7.50	Chuyên Toán	41.50	26.50
168	110168	Phạm Bùi Minh Đức		21/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	8.00	8.50	Chuyên Toán	41.75	25.25
169	110169	Cao Hữu Đức		05/01/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	9.25	9.00	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
170	110170	Nguyễn Minh Đức		05/03/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.75	7.00	4.00	Chuyên Toán	30.75	22.75
171	110171	Trần Minh Đức		06/01/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.25	9.00	9.25	6.25	Chuyên Toán	39.00	26.50
172	110172	Trần Nhân Đức		04/05/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	9.00	8.00	6.00	Chuyên Toán	34.75	22.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
173	110173	Đặng Trần Minh Đức		18/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.75	9.75	6.00	Chuyên Toán	37.75	26.75
174	110174	Đoàn Hoàng Giang		26/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.00	9.50	9.25	7.25	Chuyên Toán	40.25	25.75
175	110175	Lê Trần Quỳnh Giang	x	24/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	10.00	9.00	9.00	Chuyên Toán	44.50	26.50
176	110176	Nguyễn Khánh Hà	x	11/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	10.00	9.00	6.00	Chuyên Toán	38.25	26.25
177	110177	Đỗ Việt Hà	x	24/07/2010	THCS Trần Phú	7.75	9.50	8.75	6.25	Chuyên Toán	38.50	26.00
178	110178	Huỳnh Minh Hào		17/04/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.50	10.00	8.00	5.25	Chuyên Toán	37.00	26.50
179	110179	Vũ Duy Hải		28/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.25	8.25	6.00	Chuyên Toán	36.75	24.75
180	110180	Hoàng Đình Hải		25/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.50	9.00	6.25	Chuyên Toán	38.50	26.00
181	110181	Đào Hữu Hoàng Hải		14/08/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.50	9.00	8.50	5.50	Chuyên Toán	35.00	24.00
182	110182	Nguyễn Ngọc Thanh Hải		11/02/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.00	9.00	8.75	6.25	Chuyên Toán	37.25	24.75
183	110183	Nguyễn Phan Minh Hào		28/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	8.75	9.00	4.25	Chuyên Toán	32.75	24.25
184	110184	Trương Nguyễn Ngọc Hân	x	07/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	10.00	9.75	6.75	Chuyên Toán	40.75	27.75
185	110185	Đặng Kim Hiền	x	05/10/2010	THCS Duy Tân	8.00	9.50	8.75	7.00	Chuyên Toán	40.25	26.25
186	110186	Vũ Trung Hiếu		28/03/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.75	9.50	9.25	5.25	Chuyên Toán	37.00	26.50
187	110187	Vũ Xuân Hiếu		28/09/2010	THCS Trần Phú	8.00	9.50	8.25	6.75	Chuyên Toán	39.25	25.75
188	110188	Nguyễn Lâm Nhật Hoàng		23/01/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.75	9.00	9.25	4.00	Chuyên Toán	33.00	25.00
189	110189	Nguyễn Bùi Thái Huy		01/05/2009	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	9.50	5.75	Chuyên Toán	37.50	26.00
190	110190	Đoàn Gia Huy		22/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	10.00	9.25	8.25	Chuyên Toán	42.50	26.00
191	110191	Ninh Gia Huy		14/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.50	9.50	9.25	4.75	Chuyên Toán	36.75	27.25
192	110192	Võ Minh Huy		29/04/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.25	9.50	9.75	6.25	Chuyên Toán	38.00	25.50
193	110193	Lê Nguyễn Gia Huy		27/03/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	9.50	8.75	6.50	Chuyên Toán	37.50	24.50
194	110194	Vũ Tuấn Huy		11/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.50	9.50	9.25	6.75	Chuyên Toán	39.75	26.25
195	110195	Cao Khánh Huyền	x	08/06/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	9.00	8.50	7.00	Chuyên Toán	38.50	24.50
196	110196	Phạm Thị Thu Huyền	x	28/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.50	9.00	8.00	6.00	Chuyên Toán	37.50	25.50
197	110197	Trần Đức Hưng		29/05/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	36.75	24.75
198	110198	Nguyễn Lê Dương Hưng		02/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	10.00	9.50	8.50	Chuyên Toán	44.00	27.00
199	110199	Sú Quang Gia Hưng		21/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.50	10.00	7.25	Chuyên Toán	41.25	27.75
200	110200	Trần Thanh Gia Hưng		19/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.50	9.50	5.00	Chuyên Toán	36.75	26.75
201	110201	Bùi Thái Hưng		28/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	10.00	9.75	8.25	Chuyên Toán	44.50	29.00
202	110202	Nguyễn Quỳnh Hương	x	05/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.50	5.75	Chuyên Toán	38.00	26.50
203	110203	Cao Phạm Gia Khang		05/06/2010	THCS Trần Phú	7.50	9.50	9.25	6.00	Chuyên Toán	38.25	26.25
204	110204	Lê Võ Hoàng Khang		24/06/2010	THCS Châu Đức	7.75	9.25	9.00	7.50	Chuyên Toán	41.00	26.00
205	110205	Nguyễn Đăng Quang Khánh		14/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	9.00	9.00	6.00	Chuyên Toán	37.00	25.00
206	110206	Lê Hoàng Khánh		18/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	7.75	4.50	Chuyên Toán	34.25	25.25
207	110207	Đinh Nam Khánh		05/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.75	7.00	Chuyên Toán	41.25	27.25
208	110208	Lê Trọng Khánh		02/03/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	9.00	7.00	5.50	Chuyên Toán	34.00	23.00
209	110209	Lê Anh Khoa		05/05/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	10.00	9.75	7.00	Chuyên Toán	41.75	27.75
210	110210	Võ Đăng Khoa		29/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	10.00	8.25	7.00	Chuyên Toán	39.50	25.50
211	110211	Phạm Minh Khoa		12/01/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.75	10.00	9.75	8.25	Chuyên Toán	45.00	28.50
212	110212	Tạ Quang Khoa		29/11/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.50	9.50	7.75	4.25	Chuyên Toán	33.25	24.75
213	110213	Nguyễn Đăng Khôi		28/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	10.00	10.00	8.25	Chuyên Toán	43.75	27.75
214	110214	Nguyễn Việt Khôi		04/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.25	8.25	Chuyên Toán	43.00	26.50
215	110215	Bùi Trung Kiên		12/01/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.50	8.75	8.00	Chuyên Toán	42.00	26.00
216	110216	Phan Trung Kiên		18/03/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.50	9.50	9.00	7.00	Chuyên Toán	41.00	27.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
217	110217	Đỗ Anh Kiệt		01/10/2010	THCS Phước Thắng	7.00	9.25	9.00	6.00	Chuyên Toán	37.25	25.25
218	110218	Phạm Tuấn Kiệt		08/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.50	9.00	9.00	5.25	Chuyên Toán	36.00	25.50
219	110219	Đặng Trần Kỳ		20/03/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	9.00	9.50	4.75	Chuyên Toán	35.50	26.00
220	110220	Phan Bảo Lam	x	16/01/2010	THCS Duy Tân	7.75	9.50	9.00	7.00	Chuyên Toán	40.25	26.25
221	110221	Bùi Tiến Lâm		15/01/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	9.50	8.75	6.00	Chuyên Toán	37.00	25.00
222	110222	Nguyễn Ngọc Thảo Li	x	27/08/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	5.50	8.75	9.25	2.75	Chuyên Toán	29.00	23.50
223	110223	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	x	28/01/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.50	9.50	9.50	7.75	Chuyên Toán	43.00	27.50
224	110224	Nguyễn Phương Linh	x	02/07/2010	THCS Lương Thế Vinh	5.50	9.50	8.75	7.00	Chuyên Toán	37.75	23.75
225	110225	Phan Thùy Linh	x	12/04/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.25	10.00	8.50	8.00	Chuyên Toán	42.75	26.75
226	110226	Ngô Lưu Bảo Long		20/11/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.25	9.50	8.25	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
227	110227	Nguyễn Đức Lương		24/11/2010	THCS Phước Thắng	5.50	9.50	7.50	6.00	Chuyên Toán	34.50	22.50
228	110228	Nguyễn Lê Cẩm Ly	x	05/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.00	9.00	8.00	4.25	Chuyên Toán	32.50	24.00
229	110229	Võ Nguyễn Tường Ly	x	09/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	9.00	8.75	7.00	Chuyên Toán	38.25	24.25
230	110230	Lê Đức Mạnh		24/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.00	8.75	5.25	Chuyên Toán	34.50	24.00
231	110231	Lê Viết Mạnh		04/03/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	9.50	8.50	7.00	Chuyên Toán	39.25	25.25
232	110232	Phạm Bảo Minh		11/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	9.50	8.25	6.00	Chuyên Toán	35.75	23.75
233	110233	Nguyễn Bình Minh	x	03/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.25	7.00	Chuyên Toán	39.75	25.75
234	110234	Hoàng Cao Minh		13/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.50	8.25	5.00	Chuyên Toán	35.50	25.50
235	110235	Hồ Đặng Nhật Minh		17/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	10.00	9.00	8.25	Chuyên Toán	43.00	26.50
236	110236	Trần Đình Minh		21/11/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.75	9.25	8.50	4.50	Chuyên Toán	33.50	24.50
237	110237	Phạm Đức Minh		29/06/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	9.50	9.75	6.75	Chuyên Toán	39.50	26.00
238	110238	Phạm Hoàng Minh		21/06/2010	TH-THCS-THPT Việt Mỹ	6.50	10.00	9.50	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
239	110239	Bùi Nhật Minh		09/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	10.00	9.25	8.25	Chuyên Toán	43.50	27.00
240	110240	Đàm Nhật Minh		12/10/2010	THCS Phước Thắng	7.50	9.50	9.50	6.75	Chuyên Toán	40.00	26.50
241	110241	Đoàn Quang Minh		02/05/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.00	10.00	9.00	8.00	Chuyên Toán	43.00	27.00
242	110242	Nguyễn Quang Minh		21/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	4.75	10.00	9.25	5.75	Chuyên Toán	35.50	24.00
243	110243	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	x	03/02/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	9.75	5.75	Chuyên Toán	37.50	26.00
244	110244	Võ Trần Quang Minh		18/01/2010	TH-THCS-THPT Happy School	5.50	9.25	9.00	5.25	Chuyên Toán	34.25	23.75
245	110245	Nguyễn Vũ Đức Minh		03/06/2010	THCS Phước Thắng	6.00	9.50	8.25	5.50	Chuyên Toán	34.75	23.75
246	110246	Lê Nguyễn Thảo My	x	17/01/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	9.25	8.75	5.50	Chuyên Toán	36.00	25.00
247	110247	Vũ Nguyễn Trà My	x	21/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.00	6.25	Chuyên Toán	38.25	25.75
248	110248	Nguyễn Bảo Nam		20/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	10.00	9.50	7.50	Chuyên Toán	42.50	27.50
249	110249	Võ Hà Nguyệt Nga	x	07/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.50	9.25	8.00	Chuyên Toán	43.00	27.00
250	110250	Hoàng Phương Nga	x	31/08/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	9.00	9.00	5.75	Chuyên Toán	35.25	23.75
251	110251	Phạm Quốc Nghĩa		16/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.75	9.50	8.50	7.25	Chuyên Toán	40.25	25.75
252	110252	Nguyễn Tuấn Nghĩa		06/09/2010	THCS Thắng Nhất	7.75	9.75	9.25	7.25	Chuyên Toán	41.25	26.75
253	110253	Đoàn Bảo Ngọc	x	17/02/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	8.50	8.00	4.00	Chuyên Toán	31.50	23.50
254	110254	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	x	06/02/2010	THCS Hòa Hội	7.00	8.75	6.75	2.50	Chuyên Toán	27.50	22.50
255	110255	Nguyễn Phúc Nguyên		20/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
256	110256	Đào Thanh Nguyên	x	03/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.75	6.25	3.00	Chuyên Toán	27.25	21.25
257	110257	Phùng Hợp Nhất		05/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.75	8.25	6.00	Chuyên Toán	34.75	22.75
258	110258	Lê Duy Nhật		07/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.00	9.50	8.75	6.50	Chuyên Toán	37.25	24.25
259	110259	Trần Ý Nhi	x	28/06/2010	THCS Duy Tân	7.75	8.75	8.50	5.50	Chuyên Toán	36.00	25.00
260	110260	Lê Quỳnh Như	x	07/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.75	9.50	9.00	5.75	Chuyên Toán	37.75	26.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
261	110261	Lê Tâm Như	x	07/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	9.00	8.50	5.25	Chuyên Toán	34.50	24.00
262	110262	Nguyễn Xuân Như	x	14/10/2010	THCS Châu Thành	7.50	9.50	9.50	4.25	Chuyên Toán	35.00	26.50
263	110263	Nguyễn Hồng Phát		18/01/2010	THCS Phước Thắng	8.00	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	39.00	28.00
264	110264	Lê Viết Hải Phong		09/01/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.00	9.00	9.00	3.00	Chuyên Toán	31.00	25.00
265	110265	Nguyễn Viết Hải Phong		05/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	10.00	9.25	6.50	Chuyên Toán	39.25	26.25
266	110266	Trần Hoàng Phú		04/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	9.00	8.00	4.75	Chuyên Toán	32.75	23.25
267	110267	Nguyễn Công Phúc		16/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	10.00	10.00	6.25	Chuyên Toán	38.75	26.25
268	110268	Phan Hữu Phúc		22/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.50	6.25	Chuyên Toán	38.50	26.00
269	110269	Lê Minh Phúc		04/05/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.50	9.50	8.25	Chuyên Toán	42.75	26.25
270	110270	Nguyễn Trọng Phúc		08/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	8.50	8.25	Chuyên Toán	41.50	25.00
271	110271	Nguyễn Văn Phúc		15/05/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	5.00	9.50	7.25	6.00	Chuyên Toán	33.75	21.75
272	110272	Hồ Hữu Phước		23/07/2010	THCS Bình Châu	6.00	9.00	9.25	5.00	Chuyên Toán	34.25	24.25
273	110273	Hoàng Lê Minh Quang		16/08/2010	THCS Văn Lương	6.50	9.00	9.25	5.00	Chuyên Toán	34.75	24.75
274	110274	Hoàng Minh Quang		06/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.25	7.25	Chuyên Toán	41.00	26.50
275	110275	Lã Anh Quân		31/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.75	9.50	9.75	7.00	Chuyên Toán	39.00	25.00
276	110276	Trần Đình Quân		13/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	9.50	9.25	7.00	Chuyên Toán	38.75	24.75
277	110277	Đinh Hồng Quân		24/12/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	6.00	9.50	9.75	6.25	Chuyên Toán	37.75	25.25
278	110278	Nguyễn Hồng Quân		13/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.75	9.25	7.50	Chuyên Toán	41.75	26.75
279	110279	Thái Khắc Quân		01/09/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.25	9.00	9.50	2.50	Chuyên Toán	29.75	24.75
280	110280	Nguyễn Thống Quốc		03/05/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	9.75	9.25	4.75	Chuyên Toán	35.00	25.50
281	110281	Nguyễn Như Quỳnh	x	25/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	9.25	8.25	6.50	Chuyên Toán	37.50	24.50
282	110282	Hoàng Thị Như Quỳnh	x	04/03/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	8.50	5.50	Chuyên Toán	36.00	25.00
283	110283	Ngô Quang Sang		13/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.75	9.75	7.00	Chuyên Toán	42.25	28.25
284	110284	Phạm Ngọc Thái Sơn		16/11/2010	THCS Trần Phú	7.25	10.00	9.75	8.25	Chuyên Toán	43.50	27.00
285	110285	Ngô Quốc Sơn		20/11/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	6.75	9.50	8.25	4.75	Chuyên Toán	34.00	24.50
286	110286	Hoàng Công Thành		25/09/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	9.50	8.75	7.75	Chuyên Toán	40.50	25.00
287	110287	Nguyễn Tiến Thành		23/05/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	5.75	10.00	9.25	7.25	Chuyên Toán	39.50	25.00
288	110288	Trần Tiến Thành		19/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	7.75	7.75	6.00	Chuyên Toán	33.75	21.75
289	110289	Ngô Minh Thắng		29/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.75	9.50	9.75	6.50	Chuyên Toán	38.00	25.00
290	110290	Trần Quốc Thắng		23/08/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.50	9.50	9.25	6.50	Chuyên Toán	38.25	25.25
291	110291	Đinh Hữu Thiên		21/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	8.75	8.25	4.75	Chuyên Toán	33.25	23.75
292	110292	Nguyễn Khánh Thiên		24/11/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.50	9.00	6.50	Chuyên Toán	38.50	25.50
293	110293	Lê Nguyễn Hữu Thiên		13/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.25	9.25	6.00	Chuyên Toán	38.00	26.00
294	110294	Phan Gia Thịnh		28/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	9.50	9.50	7.00	Chuyên Toán	41.00	27.00
295	110295	Nguyễn Ngọc Kim Thủy	x	06/06/2008	THCS Duy Tân	7.00	9.25	9.00	7.00	Chuyên Toán	39.25	25.25
296	110296	Lê Anh Thư	x	12/01/2010	THCS Phước Thắng	7.75	9.25	9.00	5.00	Chuyên Toán	36.00	26.00
297	110297	Võ Minh Thư	x	23/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.50	9.50	5.50	Chuyên Toán	38.50	27.50
298	110298	Dương Nguyễn Anh Thư	x	14/11/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	9.50	9.00	6.25	Chuyên Toán	37.50	25.00
299	110299	Nguyễn Võ Song Thư	x	20/07/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.00	8.25	5.75	Chuyên Toán	36.75	25.25
300	110300	Nguyễn Minh Thy	x	29/06/2010	THCS Trần Phú	8.25	9.25	9.00	6.25	Chuyên Toán	39.00	26.50
301	110301	Đặng Thị Cẩm Tiên	x	21/04/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.75	9.50	8.25	4.00	Chuyên Toán	32.50	24.50
302	110302	Đặng Nguyễn Khánh Trang	x	03/11/2010	THCS Thắng Nhất	8.50	8.75	7.75	6.25	Chuyên Toán	37.50	25.00
303	110303	Trần Thị Thanh Trà	x	02/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.00	10.00	9.75	8.25	Chuyên Toán	45.25	28.75
304	110304	Trịnh Ngọc Trâm	x	12/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.75	9.50	9.00	5.75	Chuyên Toán	37.75	26.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
305	110305	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	x	29/06/2010	THCS Nguyễn Du	7.25	8.75	8.25	5.50	Chuyên Toán	35.25	24.25
306	110306	Võ Thị Huyền Trâm	x	18/07/2010	THCS Bình Châu	8.50	9.00	9.75	5.25	Chuyên Toán	37.75	27.25
307	110307	Nguyễn Đức Trí		05/06/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.25	10.00	9.75	6.50	Chuyên Toán	40.00	27.00
308	110308	Huỳnh Minh Trí		25/06/2010	THCS Kim Đồng	6.75	9.50	9.25	5.75	Chuyên Toán	37.00	25.50
309	110309	Ngô Minh Trí		08/02/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	9.50	9.50	6.25	Chuyên Toán	39.00	26.50
310	110310	Hoàng Văn Trọng		20/11/2010	THCS Lương Thế Vinh	9.00	10.00	9.25	7.25	Chuyên Toán	42.75	28.25
311	110311	Nguyễn Hoàng Bảo Trúc	x	11/05/2010	THCS Bàu Lâm	7.25	9.00	8.25	5.25	Chuyên Toán	35.00	24.50
312	110312	Nguyễn Mai Thanh Trúc	x	06/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	10.00	9.50	7.25	Chuyên Toán	42.00	27.50
313	110313	Nguyễn Anh Tuấn		01/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	10.00	9.25	7.00	Chuyên Toán	41.25	27.25
314	110314	Trần Đình Tuấn		05/03/2010	THCS Trần Phú	7.50	9.50	8.75	7.25	Chuyên Toán	40.25	25.75
315	110315	Nguyễn Hữu Sơn Tùng		07/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	9.00	7.00	Chuyên Toán	41.25	27.25
316	110316	Nguyễn Hoàng Tú		14/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.50	9.25	7.00	Chuyên Toán	40.00	26.00
317	110317	Trần Minh Tú		13/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	8.25	5.25	Chuyên Toán	36.25	25.75
318	110318	Phan Tuấn Tú		27/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	9.50	8.75	4.25	Chuyên Toán	34.75	26.25
319	110319	Ngô Gia Cát Tường	x	04/07/2010	THCS Nguyễn Du	7.75	9.00	6.75	5.00	Chuyên Toán	33.50	23.50
320	110320	Nguyễn Nhã Uyên	x	05/05/2010	THCS Lê Quang Cường	8.25	9.50	9.50	6.00	Chuyên Toán	39.25	27.25
321	110321	Nguyễn Thanh Uyên	x	11/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.25	10.00	9.25	8.25	Chuyên Toán	45.00	28.50
322	110322	Nguyễn Cao Kỳ Văn		03/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	9.00	6.50	3.75	Chuyên Toán	28.50	21.00
323	110323	Nguyễn Phương Vi	x	20/02/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	8.50	5.75	3.00	Chuyên Toán	28.25	22.25
324	110324	Trịnh Hoàng Việt		22/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.00	9.50	9.25	7.00	Chuyên Toán	41.75	27.75
325	110325	Vũ Hoàng Vũ		01/06/2010	THCS Phước Thắng	7.00	9.50	9.50	5.00	Chuyên Toán	36.00	26.00
326	110326	Lê Nguyên Vũ		05/11/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	9.25	10.00	8.00	Chuyên Toán	43.25	27.25
327	110327	Trần Long Vượng		31/03/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	9.25	8.50	6.25	Chuyên Toán	37.75	25.25
328	110328	Hà Yến Vy	x	31/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	8.50	8.00	2.75	Chuyên Toán	28.00	22.50
329	110329	Hoàng Đức Yên		12/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.25	6.00	Chuyên Toán	37.75	25.75
330	110330	Trần Lương Như Ý	x	19/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	9.00	8.75	6.00	Chuyên Toán	36.25	24.25
331	110331	Lại Minh An		21/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.00	3.50	Chuyên Lý	33.00	26.00
332	110332	Thái Văn An		29/08/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.50	9.00	8.00	7.75	Chuyên Lý	41.00	25.50
333	110333	Nguyễn Duy Hoàng Anh		06/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.00	9.00	8.50	0.75	Chuyên Lý	24.00	22.50
334	110334	Ngô Đoàn Tùng Anh		19/08/2010	THCS Trần Phú	7.75	9.25	8.50	5.50	Chuyên Lý	36.50	25.50
335	110335	Nguyễn Ngọc Anh		06/04/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	8.75	8.75	3.25	Chuyên Lý	31.50	25.00
336	110336	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	x	19/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	10.00	5.00	Chuyên Lý	36.75	26.75
337	110337	Nguyễn Phúc Anh		15/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	8.75	6.25	Chuyên Lý	38.25	25.75
338	110338	Huỳnh Thị Phương Anh	x	04/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.75	8.75	7.00	0.25	Chuyên Lý	25.00	24.50
339	110339	Đỗ Nguyễn Thiên Ân		05/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	8.75	8.25	7.75	Chuyên Lý	38.50	23.00
340	110340	Trần Gia Bảo		02/06/2010	THCS Trần Phú	5.50	8.50	8.75	2.25	Chuyên Lý	27.25	22.75
341	110341	Trần Gia Bảo		22/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	9.25	5.50	Chuyên Lý	36.50	25.50
342	110342	Danh Phương Bảo		01/02/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	9.50	9.00	5.50	Chuyên Lý	35.25	25.25
343	110343	Lý Tư Thanh Bình		14/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	9.00	7.75	1.50	Chuyên Lý	26.75	23.75
344	110344	Đặng Bảo Châu		15/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	9.00	9.50	4.50	Chuyên Lý	35.25	26.25
345	110345	Nguyễn Diệp Chi	x	09/04/2010	THCS Lê Quang Cường	8.00	8.75	9.00	3.50	Chuyên Lý	32.75	25.75
346	110346	Phạm Hữu Đạt		23/06/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	9.00	4.50	Chuyên Lý	34.25	25.25
347	110347	Lê Duy Đăng		15/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.75	7.25	Chuyên Lý	41.75	27.25
348	110348	Lê Hải Đăng		27/12/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	9.50	8.25	Chuyên Lý	43.00	26.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
349	110349	Nguyễn Lê Khánh Đăng		11/12/2009	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.25	6.50	Chuyên Lý	39.25	26.25
350	110350	Lê Trần Minh Đăng		24/03/2010	THCS Phước Thắng	7.00	9.50	8.75	7.50	Chuyên Lý	40.25	25.25
351	110351	Bùi Thành Đông		02/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.25	2.25	Chuyên Lý	30.50	26.00
352	110352	Phạm Minh Đức		25/01/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	10.00	9.00	7.75	Chuyên Lý	42.25	26.75
353	110353	Vũ Quang Minh Đức		16/12/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	9.00	9.25	3.25	Chuyên Lý	30.00	23.50
354	110354	Nguyễn Minh Giang		19/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.00	9.50	9.50	3.50	Chuyên Lý	33.00	26.00
355	110355	Lại Quỳnh Giang	x	09/01/2010	THCS Châu Đức	8.00	9.00	8.75	3.75	Chuyên Lý	33.25	25.75
356	110356	Nguyễn Hiếu		03/08/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	8.75	9.75	0.25	Chuyên Lý	26.00	26.50
357	110357	Nguyễn Trung Hiếu		14/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	10.00	10.00	8.25	Chuyên Lý	44.75	28.25
358	110358	Hồ Phú Hinh		19/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.00	8.25	9.50	6.75	Chuyên Lý	39.25	25.75
359	110359	Phạm Huy Hoàng		30/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.50	9.00	8.25	3.25	Chuyên Lý	31.25	24.75
360	110360	Lê Phạm Xuân Hoàng		19/03/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	8.50	8.75	1.25	Chuyên Lý	26.50	24.00
361	110361	Nguyễn Việt Hoàng		24/06/2010	THCS Thắng Nhất	8.50	9.50	8.75	6.75	Chuyên Lý	40.25	26.75
362	110362	Lương Đức Huy		15/12/2010	THCS Trần Phú	7.00	9.00	8.50	4.00	Chuyên Lý	32.50	24.50
363	110363	Đinh Quốc Huy		29/03/2010	THCS Trần Phú	6.50	9.50	8.25	8.00	Chuyên Lý	40.25	24.25
364	110364	Trần Chấn Hưng		13/01/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	9.50	9.50	3.75	Chuyên Lý	33.25	25.75
365	110365	Nguyễn Quốc Hưng		12/10/2010	THCS Trần Phú	8.25	9.00	8.00	2.50	Chuyên Lý	30.25	25.25
366	110366	Đỗ Xuân Hưng		04/02/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	8.75	8.50	1.00	Chuyên Lý	26.75	24.75
367	110367	Nguyễn Lê Khang		02/12/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	8.75	8.75	2.00	Chuyên Lý	29.00	25.00
368	110368	Nguyễn Ngọc Hoàng Khanh		15/08/2010	THCS Trần Phú	6.25	8.75	8.50	4.25	Chuyên Lý	32.00	23.50
369	110369	Lê Ngọc Tuấn Khanh		15/01/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.25	8.75	7.50	0.25	Chuyên Lý	23.00	22.50
370	110370	Võ Quang Khải		29/03/2010	THCS Thắng Nhì	7.00	9.00	9.00	4.75	Chuyên Lý	34.50	25.00
371	110371	Phạm Huy Khánh		20/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.00	9.25	6.25	Chuyên Lý	39.00	26.50
372	110372	Lê Hữu Nam Khánh		01/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.75	6.75	Chuyên Lý	40.25	26.75
373	110373	Nguyễn Võ Đăng Khoa		26/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.50	9.00	9.00	3.50	Chuyên Lý	32.50	25.50
374	110374	Phạm Anh Khôi		09/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	10.00	9.50	6.50	Chuyên Lý	39.75	26.75
375	110375	Đặng Hữu Khôi		09/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.00	9.00	5.75	Chuyên Lý	36.25	24.75
376	110376	Nguyễn Lâm Khôi		06/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.00	9.00	5.50	Chuyên Lý	35.75	24.75
377	110377	Lê Việt Tuấn Khôi		05/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.00	7.75	Chuyên Lý	41.50	26.00
378	110378	Hoàng Trung Kiên		22/12/2010	THCS Châu Thành	7.25	9.00	8.25	2.25	Chuyên Lý	29.00	24.50
379	110379	Nguyễn Trúc Lam	x	12/01/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	9.50	10.00	7.75	Chuyên Lý	43.00	27.50
380	110380	Trịnh Bá Lâm		20/10/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.25	9.25	2.50	Chuyên Lý	31.25	26.25
381	110381	Phạm Đức Lâm		02/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.25	4.00	Chuyên Lý	34.00	26.00
382	110382	Nguyễn Khánh Linh	x	28/11/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	9.00	9.50	2.25	Chuyên Lý	29.75	25.25
383	110383	Trần Nhật Long		09/02/2010	THCS Châu Thành	6.50	9.00	8.25	0.75	Chuyên Lý	25.25	23.75
384	110384	Nguyễn Thạch Triệu Long		17/06/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.00	9.25	2.50	Chuyên Lý	30.25	25.25
385	110385	Nguyễn Quang Minh		18/02/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.25	9.25	8.25	3.25	Chuyên Lý	32.25	25.75
386	110386	Nguyễn Quang Minh		26/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.50	7.75	Chuyên Lý	42.50	27.00
387	110387	Đặng Thế Minh		18/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	10.00	9.75	7.75	Chuyên Lý	42.50	27.00
388	110388	Lê Tuấn Minh		20/03/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	9.00	9.50	1.25	Chuyên Lý	27.25	24.75
389	110389	Nguyễn Tuấn Minh		24/05/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.50	8.75	9.25	3.75	Chuyên Lý	32.00	24.50
390	110390	Trần An Khánh My	x	16/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	8.75	9.75	2.75	Chuyên Lý	31.25	25.75
391	110391	Phạm Hà My	x	31/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	9.00	4.50	Chuyên Lý	34.25	25.25
392	110392	Dương Trà My	x	10/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.50	9.75	7.75	Chuyên Lý	41.50	26.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
393	110393	Đinh Nguyễn Phương Nam		29/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	10.00	9.00	Chuyên Lý	45.00	27.00
394	110394	Lê Quang Nghĩa		14/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	10.00	10.00	9.75	Chuyên Lý	47.00	27.50
395	110395	Trịnh An Nguyễn		21/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.00	9.25	8.25	7.00	Chuyên Lý	40.50	27.50
396	110396	Vũ Khôi Nguyên		21/10/2010	THCS Trần Phú	7.00	9.50	9.75	7.00	Chuyên Lý	40.25	26.25
397	110397	Phạm Nam Nguyễn		17/01/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.50	9.25	6.00	Chuyên Lý	38.50	26.50
398	110398	Hà Nguyễn Thảo Nguyên	x	28/01/2010	THCS Trần Phú	7.75	8.75	9.50	5.25	Chuyên Lý	36.50	27.00
399	110399	Lê Hữu Ngọc Nhi	x	13/12/2010	THCS Kim Long	8.75	9.00	8.75	4.75	Chuyên Lý	36.00	26.50
400	110400	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	x	04/03/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	8.75	9.00	2.00	Chuyên Lý	29.75	25.75
401	110401	Trần Đình Phong		05/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.50	7.00	Chuyên Lý	40.50	26.50
402	110402	Nguyễn Minh Phú		20/09/2010	THCS Phước Thắng	8.00	10.00	9.75	8.50	Chuyên Lý	44.75	27.75
403	110403	Trần Ngọc Phú		04/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.50	8.75	7.00	Chuyên Lý	38.50	24.50
404	110404	Phạm Nguyễn Minh Phúc		09/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	9.50	6.50	Chuyên Lý	40.75	27.75
405	110405	Nguyễn Đình Quang		15/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.00	3.50	Chuyên Lý	33.00	26.00
406	110406	Nguyễn Võ Nhật Tân		07/02/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.00	9.50	7.00	Chuyên Lý	40.25	26.25
407	110407	Phùng Chí Thành		10/07/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	8.75	9.50	0.75	Chuyên Lý	27.50	26.00
408	110408	Đặng Nguyễn Hải Thụy	x	21/12/2010	THCS Trần Phú	7.50	9.00	8.50	0.25	Chuyên Lý	25.50	25.00
409	110409	Cao Minh Tiến		26/01/2010	THCS Trần Phú	8.00	8.75	8.25	3.25	Chuyên Lý	31.50	25.00
410	110410	Nguyễn Hữu Tín		06/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.75	8.75	Chuyên Lý	44.75	27.25
411	110411	Hồ Phạm Thanh Trà	x	24/12/2010	THCS Vũng Tàu	8.00	9.00	9.50	4.75	Chuyên Lý	36.00	26.50
412	110412	Phạm Mỹ Trâm	x	28/06/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.25	9.00	9.25	4.50	Chuyên Lý	35.50	26.50
413	110413	Tô Minh Triết		06/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.25	2.25	Chuyên Lý	30.50	26.00
414	110414	Dương Thị Khánh Uyên	x	20/04/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	8.50	9.50	5.50	Chuyên Lý	36.50	25.50
415	110415	Nguyễn Bảo Khánh An	x	26/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	8.50	9.50	3.75	Chuyên Hóa	33.00	25.50
416	110416	Bùi Hà An	x	21/05/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.50	9.00	9.25	5.63	Chuyên Hóa	36.01	24.75
417	110417	Nguyễn Như An	x	31/08/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	9.50	9.00	6.63	Chuyên Hóa	39.51	26.25
418	110418	Cao Quỳnh An	x	17/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.50	2.50	Chuyên Hóa	31.00	26.00
419	110419	Lê Thủy An	x	20/09/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.50	9.00	8.75	3.00	Chuyên Hóa	32.25	26.25
420	110420	Vũ Anh		18/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.00	9.00	9.25	5.13	Chuyên Hóa	33.51	23.25
421	110421	Tạ Duy Anh		02/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	9.25	3.25	Chuyên Hóa	31.75	25.25
422	110422	Đặng Hải Anh	x	09/04/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	8.50	9.50	5.13	Chuyên Hóa	36.01	25.75
423	110423	Nguyễn Hùng Anh		11/01/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.75	9.00	9.50	7.13	Chuyên Hóa	40.51	26.25
424	110424	Huỳnh Lê Thủy Anh	x	09/04/2010	THCS Vũng Tàu	6.00	9.00	9.00	1.63	Chuyên Hóa	27.26	24.00
425	110425	Nguyễn Mai Anh	x	08/04/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	9.50	8.75	5.25	Chuyên Hóa	36.50	26.00
426	110426	Nguyễn Minh Anh	x	03/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.75	7.88	Chuyên Hóa	42.51	26.75
427	110427	Phan Minh Anh	x	20/05/2010	TH-THCS-THPT Khai Nguyên	4.50	5.25	4.00	0.00	Chuyên Hóa	13.75	13.75
428	110428	Tạ Ngọc Quỳnh Anh	x	24/06/2010	THCS Vũng Tàu	6.00	9.00	9.00	2.75	Chuyên Hóa	29.50	24.00
429	110429	Võ Ngọc Trâm Anh	x	02/01/2010	THCS Phước Thắng	6.25	9.00	8.50	1.75	Chuyên Hóa	27.25	23.75
430	110430	Hà Quỳnh Anh	x	30/06/2010	THCS Vũng Tàu	7.50	9.00	9.50	3.38	Chuyên Hóa	32.76	26.00
431	110431	Phạm Quỳnh Anh	x	02/03/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	8.75	9.50	2.63	Chuyên Hóa	30.51	25.25
432	110432	Văn Quỳnh Anh	x	02/04/2010	THCS Phước Thắng	7.00	8.50	9.00	0.25	Chuyên Hóa	25.00	24.50
433	110433	Nguyễn Tuấn Anh		20/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.50	9.00	7.25	4.50	Chuyên Hóa	31.75	22.75
434	110434	Lê Vũ Hoàng Anh		28/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	9.50	4.50	Chuyên Hóa	34.50	25.50
435	110435	Nguyễn Đoàn Gia Bảo		08/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	8.50	9.00	4.50	Chuyên Hóa	32.75	23.75
436	110436	Hà Gia Bảo		11/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.00	4.38	Chuyên Hóa	34.26	25.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
437	110437	Đặng Thiên Bảo		12/09/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	8.25	9.50	4.63	Chuyên Hóa	33.26	24.00
438	110438	Phạm Quang Bách		04/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	8.50	9.00	6.25	Chuyên Hóa	36.25	23.75
439	110439	Lê Văn Bắc		03/07/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	9.50	9.25	6.38	Chuyên Hóa	39.26	26.50
440	110440	Phan Bảo Châu	x	17/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.00	9.50	9.50	5.63	Chuyên Hóa	37.26	26.00
441	110441	Trần Hà Bảo Châu	x	04/10/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.75	8.75	7.50	3.75	Chuyên Hóa	32.50	25.00
442	110442	Bùi Quỳnh Chi	x	13/02/2010	THCS Thắng Nhất	5.75	8.75	9.50	3.38	Chuyên Hóa	30.76	24.00
443	110443	Đỗ Chí Công		23/01/2010	THCS Lê Quang Cường	6.75	9.00	9.75	3.25	Chuyên Hóa	32.00	25.50
444	110444	Phạm Hoàng Ngọc Diệp	x	24/11/2010	THCS Trần Phú	7.50	9.00	9.00	3.38	Chuyên Hóa	32.26	25.50
445	110445	Nguyễn Thị Hồng Dung	x	28/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	9.00	10.00	1.38	Chuyên Hóa	29.76	27.00
446	110446	Lê Hoàng Tấn Dũng		08/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	8.75	8.50	1.00	Chuyên Hóa	23.50	21.50
447	110447	Nguyễn Tiến Dũng		02/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.75	8.50	3.38	Chuyên Hóa	30.01	23.25
448	110448	Lê Nguyễn Thùy Dương	x	07/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.00	8.75	9.50	5.50	Chuyên Hóa	35.25	24.25
449	110449	Hoàng Đức Đại		09/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	9.00	9.50	7.13	Chuyên Hóa	39.26	25.00
450	110450	Lê Hồ Tiến Đạt		07/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.75	9.00	5.00	Chuyên Hóa	33.50	23.50
451	110451	Nguyễn Thành Đạt		17/02/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	5.75	8.75	8.25	1.75	Chuyên Hóa	26.25	22.75
452	110452	Nguyễn Tiến Đạt		20/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	6.00	9.00	9.75	8.38	Chuyên Hóa	41.51	24.75
453	110453	Nguyễn Đỗ Hải Đăng		14/08/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	8.75	9.00	5.88	Chuyên Hóa	36.26	24.50
454	110454	Dương Trương Đông Đô		02/10/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	8.50	8.50	2.00	Chuyên Hóa	28.00	24.00
455	110455	Nguyễn Việt Đức		23/05/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	5.50	9.00	8.25	2.25	Chuyên Hóa	27.25	22.75
456	110456	Hoàng Bảo Hà	x	05/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.25	9.25	5.13	Chuyên Hóa	36.51	26.25
457	110457	Nguyễn Thu Hà	x	04/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.00	8.25	3.63	Chuyên Hóa	32.76	25.50
458	110458	Phạm Hoàng Vũ Hải		05/10/2010	THCS Thắng Nhất	5.75	9.50	8.75	4.75	Chuyên Hóa	33.50	24.00
459	110459	Đặng Thế Hải		29/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	10.00	9.75	7.38	Chuyên Hóa	41.76	28.00
460	110460	Trần Thu Hằng	x	29/07/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.50	9.00	9.00	4.63	Chuyên Hóa	35.76	26.50
461	110461	Nguyễn Gia Hân	x	28/07/2010	THCS Duy Tân	7.75	9.00	9.00	6.25	Chuyên Hóa	38.25	25.75
462	110462	Võ Trung Hiếu		13/09/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.00	9.00	9.50	1.88	Chuyên Hóa	28.26	24.50
463	110463	Bùi Văn Hiếu		17/11/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	9.50	5.38	Chuyên Hóa	36.76	26.00
464	110464	Vũ Minh Hoàng		04/10/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.50	9.00	7.13	Chuyên Hóa	40.51	26.25
465	110465	Phùng Trọng Hoàng		20/10/2010	THCS Châu Đức	7.00	9.75	8.50	6.38	Chuyên Hóa	38.01	25.25
466	110466	Ngô Phạm Minh Huy		03/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	9.75	6.50	Chuyên Hóa	38.75	25.75
467	110467	Phạm Quang Huy		14/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.25	9.50	9.00	7.25	Chuyên Hóa	40.25	25.75
468	110468	Huỳnh Gia Hưng		27/09/2010	THCS Lê Quang Cường	7.25	9.25	8.50	5.63	Chuyên Hóa	36.26	26.00
469	110469	Dương Quang Hưng		17/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.75	9.00	9.00	6.75	Chuyên Hóa	39.25	25.75
470	110470	Nguyễn Thị Đan Hương	x	16/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	8.50	9.00	6.88	Chuyên Hóa	39.51	25.75
471	110471	Nghiêm Ngọc Lan Khanh	x	03/03/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.00	9.25	8.50	5.50	Chuyên Hóa	35.75	24.75
472	110472	Nguyễn Khánh		19/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	8.00	5.25	Chuyên Hóa	35.00	24.50
473	110473	Nguyễn Nam Khánh		31/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	8.75	9.50	6.63	Chuyên Hóa	38.76	25.50
474	110474	Nguyễn Ngọc Khánh	x	27/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.75	4.25	Chuyên Hóa	35.50	27.00
475	110475	Phạm Đăng Khoa		30/10/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.25	8.75	7.25	1.63	Chuyên Hóa	25.51	22.25
476	110476	Nguyễn Hoàng Khôi		21/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.50	2.75	Chuyên Hóa	31.75	26.25
477	110477	Nguyễn Hoàng Kiên		16/06/2010	THCS Trần Phú	7.50	8.75	8.75	6.38	Chuyên Hóa	37.76	25.00
478	110478	Trần Trung Kiên		18/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.25	9.75	8.25	Chuyên Hóa	43.75	27.25
479	110479	Trần Tuấn Kiệt		22/01/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.25	9.00	7.00	1.00	Chuyên Hóa	26.25	24.25
480	110480	Nguyễn Hồng Lam	x	14/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.75	9.00	4.00	3.88	Chuyên Hóa	28.51	20.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
481	110481	Đoàn Hải Lâm		09/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.50	6.50	Chuyên Hóa	39.00	26.00
482	110482	Trần Minh Lâm		05/10/2010	THCS Vũng Tàu	7.25	9.50	9.25	5.63	Chuyên Hóa	37.26	26.00
483	110483	Trần Nguyễn Hoàng Lâm		28/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	10.00	10.00	8.13	Chuyên Hóa	44.01	27.75
484	110484	Phạm Trương Quang Lâm		21/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	8.75	5.13	Chuyên Hóa	36.01	25.75
485	110485	Phạm Hà Khánh Linh	x	23/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	8.50	5.50	Chuyên Hóa	35.75	24.75
486	110486	Võ Hà Khánh Linh	x	03/02/2010	THCS Vũng Tàu	8.00	8.75	8.25	2.00	Chuyên Hóa	29.00	25.00
487	110487	Nguyễn Khánh Linh	x	04/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.25	9.50	8.50	7.00	Chuyên Hóa	40.25	26.25
488	110488	Vũ Phạm Khánh Linh	x	10/09/2010	THCS Châu Thành	8.25	8.25	9.50	2.63	Chuyên Hóa	31.26	26.00
489	110489	Nguyễn Thị Thủy Linh	x	26/03/2010	THCS Hắc Dịch	7.25	8.50	6.25	3.25	Chuyên Hóa	28.50	22.00
490	110490	Mai Trúc Linh	x	26/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	8.75	9.50	5.38	Chuyên Hóa	37.51	26.75
491	110491	Nguyễn Dương Gia Long		14/11/2010	THCS Phước Thắng	7.75	9.25	9.00	8.00	Chuyên Hóa	42.00	26.00
492	110492	Lê Đình Thành Long		13/03/2010	THCS Phước Thắng	6.75	9.00	9.50	3.50	Chuyên Hóa	32.25	25.25
493	110493	Nguyễn Phúc Bảo Long		04/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	8.75	5.13	Chuyên Hóa	35.76	25.50
494	110494	Nguyễn Thanh Long		12/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.75	8.25	8.75	7.38	Chuyên Hóa	39.51	24.75
495	110495	Hoàng Thái I Long		06/04/2010	Học viện Anh Quốc	4.75	8.50	7.75	1.88	Chuyên Hóa	24.76	21.00
496	110496	Bùi Bá Lộc		18/08/2010	THCS Trần Phú	5.50	9.00	9.00	3.88	Chuyên Hóa	31.26	23.50
497	110497	Võ Thị Ngọc Mai	x	17/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.25	9.50	6.50	Chuyên Hóa	39.25	26.25
498	110498	Nguyễn Duy Mạnh		11/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.25	9.50	7.25	5.50	Chuyên Hóa	34.00	23.00
499	110499	Bùi Đình Kha Minh		05/01/2010	THCS Phước Bửu	6.50	9.00	7.00	5.38	Chuyên Hóa	33.26	22.50
500	110500	Vũ Quang Minh		27/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	10.00	8.75	Chuyên Hóa	44.50	27.00
501	110501	Nguyễn Trà My	x	25/02/2010	THCS Phước Thắng	8.00	8.50	9.50	3.63	Chuyên Hóa	33.26	26.00
502	110502	Lê Nguyễn Hoàng Nam		14/01/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.50	8.00	3.63	Chuyên Hóa	28.51	21.25
503	110503	Nguyễn Xuân Bảo Nam		01/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.75	9.75	8.38	Chuyên Hóa	43.76	27.00
504	110504	Nguyễn Bảo Ngọc	x	19/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.00	9.00	6.38	Chuyên Hóa	39.01	26.25
505	110505	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	x	13/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	9.00	9.25	5.13	Chuyên Hóa	34.76	24.50
506	110506	Đậu Thảo Nguyên	x	26/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.75	7.00	Chuyên Hóa	41.00	27.00
507	110507	Nguyễn Tú Nhã	x	11/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	9.50	3.50	Chuyên Hóa	32.75	25.75
508	110508	Lê Hoàng Minh Nhật		09/02/2010	THCS Trần Phú	7.50	9.00	9.75	5.75	Chuyên Hóa	37.75	26.25
509	110509	Nguyễn Minh Nhật	x	02/12/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	9.00	7.25	2.50	Chuyên Hóa	28.50	23.50
510	110510	Đặng An Nhiên	x	22/03/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.00	8.50	1.50	Chuyên Hóa	28.25	25.25
511	110511	Trương Huỳnh Mai Nhiên	x	30/07/2010	THCS Trần Phú	7.25	9.00	9.50	5.25	Chuyên Hóa	36.25	25.75
512	110512	Trần Mộc Nhiên	x	07/01/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	9.00	9.75	2.75	Chuyên Hóa	31.25	25.75
513	110513	Nguyễn Lê Tiến Phát		19/02/2010	THCS Châu Đức	7.00	9.00	9.50	7.63	Chuyên Hóa	40.76	25.50
514	110514	Nguyễn Ngọc Minh Phát		21/04/2010	THCS Trần Phú	7.50	8.75	9.00	8.00	Chuyên Hóa	41.25	25.25
515	110515	Nguyễn Diệp Phi	x	24/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.75	7.00	Chuyên Hóa	40.50	26.50
516	110516	Đỗ Huy Phong		23/06/2010	THCS Trần Phú	6.50	9.50	9.25	7.25	Chuyên Hóa	39.75	25.25
517	110517	Nguyễn Đăng Quang		24/05/2010	THCS Thắng Nhất	6.25	8.75	9.50	2.25	Chuyên Hóa	29.00	24.50
518	110518	Nguyễn Minh Quân		09/06/2010	THCS Châu Thành	7.00	9.00	8.50	6.50	Chuyên Hóa	37.50	24.50
519	110519	Phạm Việt Anh Quân		20/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.00	9.00	9.25	5.25	Chuyên Hóa	35.75	25.25
520	110520	Nguyễn Ngọc Thiên Quỳnh	x	12/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.25	8.00	2.38	Chuyên Hóa	27.76	23.00
521	110521	Lưu Hoàng Sơn		06/10/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	9.00	7.00	3.75	Chuyên Hóa	30.50	23.00
522	110522	Lê Ngọc Sơn		24/02/2010	THCS Trần Phú	7.00	8.25	7.50	2.38	Chuyên Hóa	27.51	22.75
523	110523	Tạ Nguyễn Trường Sơn		18/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.75	2.25	Chuyên Hóa	31.00	26.50
524	110524	Trần Lê Thu Sương	x	19/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.00	9.50	5.00	Chuyên Hóa	37.00	27.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
525	110525	Bùi Minh Thành		29/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.50	9.00	1.75	Chuyên Hóa	28.00	24.50
526	110526	Nguyễn Vy Thảo	x	22/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.00	9.25	4.25	Chuyên Hóa	35.25	26.75
527	110527	Nguyễn Đình Minh Thiện		17/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	6.75	9.00	9.00	5.75	Chuyên Hóa	36.25	24.75
528	110528	Bùi Sỹ Đức Thiện		16/02/2010	THCS Phước Thắng	8.25	9.00	9.25	0.00	Chuyên Hóa	26.50	26.50
529	110529	Võ Anh Thơ	x	18/04/2010	THCS Nguyễn Du	8.50	9.50	9.50	5.25	Chuyên Hóa	38.00	27.50
530	110530	Mai Hiền Thu	x	12/10/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.75	8.25	7.50	0.88	Chuyên Hóa	24.26	22.50
531	110531	Lưư Ngọc Anh Thư	x	28/12/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.75	8.75	9.25	2.00	Chuyên Hóa	29.75	25.75
532	110532	Đinh Ngọc Quỳnh Thư	x	05/06/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	8.75	2.25	Chuyên Hóa	29.75	25.25
533	110533	Nguyễn Thị Hoài Thương	x	28/01/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	9.00	9.25	6.50	Chuyên Hóa	38.75	25.75
534	110534	Nguyễn Trần Bảo Tiên	x	05/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.25	3.88	Chuyên Hóa	34.01	26.25
535	110535	Hà Mạnh Tiến		27/07/2010	THCS Thắng Nhất	6.75	9.00	7.50	2.88	Chuyên Hóa	29.01	23.25
536	110536	Đinh Anh Tuấn		08/03/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.00	8.75	9.50	6.50	Chuyên Hóa	38.25	25.25
537	110537	Nguyễn Hoàng Tùng		19/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.25	2.75	Chuyên Hóa	31.75	26.25
538	110538	Lê Trường Uy		03/11/2010	THCS Trần Phú	6.00	9.00	8.25	6.38	Chuyên Hóa	36.01	23.25
539	110539	Vũ Ngọc Như Ý	x	21/01/2010	THCS Vũng Tàu	6.50	7.25	7.50	0.50	Chuyên Hóa	22.25	21.75
540	110540	Bùi Nguyễn Hoàng Anh		07/05/2010	THCS Phước Thắng	6.50	9.00	9.75	0.00	Chuyên Tin	25.25	26.25
541	110541	Phan Tùng Anh		24/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.50	8.00	Chuyên Tin	42.25	26.25
542	110542	Lưu Gia Bảo		13/03/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	9.00	9.50	6.75	Chuyên Tin	39.25	26.75
543	110543	Trần Gia Bảo		16/01/2010	THCS Trần Phú	7.50	8.75	9.00	0.00	Chuyên Tin	25.25	25.25
544	110544	Thái Quốc Bảo		01/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	9.75	4.75	Chuyên Tin	35.25	25.75
545	110545	Nguyễn Quốc Bình		16/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.25	4.75	Chuyên Tin	35.25	25.75
546	110546	Đỗ Việt Duy		29/08/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	5.50	9.00	9.00	0.25	Chuyên Tin	24.00	23.50
547	110547	Trần Lê Dũng		17/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.50	9.50	6.00	Chuyên Tin	37.75	25.75
548	110548	Đinh Tiến Dũng		25/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	9.00	9.75	6.75	Chuyên Tin	38.75	25.25
549	110549	Hà Tiến Dũng		07/10/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	8.75	9.50	1.75	Chuyên Tin	29.50	26.00
550	110550	Lê Đoàn Tấn Đạt		14/06/2010	TH-THCS-THPT Happy School	6.50	9.00	9.25	5.50	Chuyên Tin	35.75	24.75
551	110551	Đặng Anh Đức		05/08/2010	THCS Phước Hòa	5.75	9.00	9.25	4.00	Chuyên Tin	32.00	24.00
552	110552	Vũ Nguyễn Hồng Đức		18/08/2010	THCS Quang Trung (XM)	6.50	9.50	8.50	0.00	Chuyên Tin	24.50	24.50
553	110553	Bùi Thế Minh Đức		30/05/2010	THCS Trần Phú	6.50	9.00	9.00	6.50	Chuyên Tin	37.50	24.50
554	110554	Lê Nguyễn Bảo Hân	x	24/02/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.50	6.25	5.50	0.00	Chuyên Tin	18.25	18.25
555	110555	Lê Đăng Hiếu		17/03/2010	THCS Phước Nguyên	6.25	8.25	8.75	4.50	Chuyên Tin	32.25	23.25
556	110556	Lê Xuân Hiếu		15/06/2010	THCS Vũng Tàu	7.50	9.00	9.75	1.50	Chuyên Tin	29.25	26.25
557	110557	Nguyễn Chơn Huy		28/06/2010	THCS Kim Đồng	7.25	8.75	9.50	4.25	Chuyên Tin	34.00	25.50
558	110558	Điền Gia Huy		11/06/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.50	9.75	4.75	Chuyên Tin	36.75	27.25
559	110559	Nguyễn Lê Hưng		11/11/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	9.25	8.75	3.25	Chuyên Tin	29.75	23.25
560	110560	Bạch Gia Khang		18/12/2010	THCS Nguyễn Du	7.25	9.00	8.25	0.00	Chuyên Tin	24.50	24.50
561	110561	Lê Tiến Khánh		09/01/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	9.00	9.25	3.50	Chuyên Tin	32.75	25.75
562	110562	Phạm Đăng Khoa		20/11/2008	TH-THCS-THPT Happy School	7.25	8.50	9.50	8.25	Chuyên Tin	41.75	25.25
563	110563	Đậu Hoàng Khương		28/08/2010	THCS Duy Tân	6.25	9.25	9.50	5.25	Chuyên Tin	35.50	25.00
564	110564	Hoàng Anh Kiệt		19/03/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	8.50	0.00	Chuyên Tin	24.75	24.75
565	110565	Phạm Khánh Linh	x	27/10/2010	TH-THCS-THPT Happy School	7.00	9.00	9.50	6.00	Chuyên Tin	37.50	25.50
566	110566	Bùi Nguyễn Diệu Linh	x	28/02/2010	THCS Vũng Tàu	7.25	9.00	9.00	2.25	Chuyên Tin	29.75	25.25
567	110567	Nguyễn Phan Gia Linh	x	22/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	9.25	4.25	Chuyên Tin	36.00	27.50
568	110568	Trần Tùng Linh		14/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	9.00	9.25	8.50	Chuyên Tin	42.25	25.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
569	110569	Đào Nguyễn Kiến Lương	x	19/10/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	6.75	9.00	9.25	6.50	Chuyên Tin	38.00	25.00
570	110570	Nguyễn Tiến Mạnh		15/08/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.25	8.75	7.00	1.00	Chuyên Tin	26.00	24.00
571	110571	Phạm Đình Khánh Minh		19/12/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.25	9.00	8.25	0.00	Chuyên Tin	24.50	24.50
572	110572	Trịnh Hoàng Minh		24/03/2010	THCS Vũng Tàu	8.50	9.25	7.00	5.25	Chuyên Tin	35.25	24.75
573	110573	Nguyễn Hồng Minh		21/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	9.50	6.25	Chuyên Tin	40.25	27.75
574	110574	Phan Vũ Minh		21/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	6.75	0.00	Chuyên Tin	23.25	23.25
575	110575	Trần Đức Nam		01/01/2010	THCS Kim Long	6.50	9.00	7.25	2.00	Chuyên Tin	26.75	22.75
576	110576	Trần Khánh Nam		21/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	9.00	9.50	6.50	Chuyên Tin	38.00	25.00
577	110577	Lê Trần Ngọc		05/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	8.50	9.25	0.00	Chuyên Tin	24.25	24.25
578	110578	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	x	18/04/2010	THCS Duy Tân	7.50	9.00	9.50	5.50	Chuyên Tin	37.00	26.00
579	110579	Hoàng Minh Nguyên		08/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	8.50	0.00	Chuyên Tin	25.00	25.00
580	110580	Lê Tuấn Nguyễn		03/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.75	8.50	8.75	9.50	Chuyên Tin	44.00	25.00
581	110581	Nguyễn Đăng Thiện Nhân		07/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.75	8.50	0.00	Chuyên Tin	24.25	24.25
582	110582	Nguyễn Đức Nhân		26/11/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.50	9.50	9.75	9.25	Chuyên Tin	46.25	28.25
583	110583	Nguyễn Hải Phong		07/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.25	9.00	9.75	0.00	Chuyên Tin	27.00	27.00
584	110584	Hoàng Minh Phong		27/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	8.50	8.75	0.00	Chuyên Tin	24.75	24.75
585	110585	Lê Hải Thiên Phúc		26/04/2010	THCS Phước Nguyên	7.00	6.50	4.25	0.25	Chuyên Tin	18.25	17.75
586	110586	Nguyễn Hồng Sang		28/04/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	9.50	9.50	6.50	Chuyên Tin	39.50	26.50
587	110587	Đồng Đại Tiến		13/05/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.50	9.50	9.25	8.50	Chuyên Tin	44.25	27.25
588	110588	Phan Minh Toàn		14/10/2010	THCS Thắng Nhì	8.00	9.00	9.50	7.50	Chuyên Tin	41.50	26.50
589	110589	Phạm Đức Trí		19/07/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.25	9.50	9.25	0.00	Chuyên Tin	26.00	26.00
590	110590	Nguyễn Minh Trí		12/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	9.00	7.25	3.25	Chuyên Tin	29.25	23.75
591	110591	Nguyễn Thành Trung		29/11/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	7.50	8.25	0.00	Chuyên Tin	22.00	22.00
592	110592	Nguyễn Trần Anh Tuấn		24/01/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	8.75	8.50	0.00	Chuyên Tin	24.75	24.75
593	110593	Đỗ Thanh Tùng		11/09/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	9.75	8.25	Chuyên Tin	42.50	26.00
594	110594	Tăng Nguyễn Minh Văn	x	13/11/2010	THCS Lê Quang Cường	6.75	9.50	9.25	5.75	Chuyên Tin	37.00	25.50
595	110595	Phan Thanh Vịnh		23/01/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	8.75	0.25	Chuyên Tin	25.75	25.25
596	110596	Bùi Vũ Thảo Vy	x	23/05/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	8.75	9.25	7.25	Chuyên Tin	40.25	25.75
597	110597	Trần Đoàn Thủy An	x	21/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	8.75	9.75	4.70	Chuyên Anh	36.40	27.00
598	110598	Hoàng Đức Huy An		23/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.00	10.00	6.50	Chuyên Anh	40.75	27.75
599	110599	Nguyễn Ngọc Bảo An	x	22/02/2010	Học viện Anh Quốc	5.75	7.00	8.50	5.00	Chuyên Anh	31.25	21.25
600	110600	Phạm Nguyễn Bình An	x	13/11/2010	THCS Trần Phú	7.75	9.50	9.75	4.80	Chuyên Anh	36.60	27.00
601	110601	Trần Nhã An	x	12/05/2010	THCS Trần Phú	7.75	9.50	9.50	5.20	Chuyên Anh	37.15	26.75
602	110602	Lưu Bảo Anh	x	09/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	8.75	9.25	4.20	Chuyên Anh	33.65	25.25
603	110603	Nguyễn Duy Anh		04/06/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.50	9.00	9.75	4.20	Chuyên Anh	34.65	26.25
604	110604	Phùng Đức Anh		10/11/2010	THCS Phước Thắng	7.50	8.75	10.00	5.80	Chuyên Anh	37.85	26.25
605	110605	Nguyễn Hải Anh	x	18/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.25	9.00	9.00	2.90	Chuyên Anh	31.05	25.25
606	110606	Đinh Hoàng Yến Anh	x	15/06/2010	THCS Duy Tân	7.75	8.75	9.50	6.50	Chuyên Anh	39.00	26.00
607	110607	Đường Hồng Kỳ Anh	x	05/09/2010	THCS Bàu Lắm	6.00	8.50	8.75	3.60	Chuyên Anh	30.45	23.25
608	110608	Hà Kim Tú Anh	x	05/03/2010	THCS Kim Đồng	9.00	8.75	9.75	3.90	Chuyên Anh	35.30	27.50
609	110609	Bùi Lan Anh	x	14/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.25	9.50	4.60	Chuyên Anh	35.95	26.75
610	110610	Vũ Lê Hoàng Anh		04/05/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.75	9.25	3.90	Chuyên Anh	32.80	25.00
611	110611	Ngô Lê Minh Anh	x	30/03/2010	THCS Lê Quang Cường	8.25	9.00	9.75	4.90	Chuyên Anh	36.80	27.00
612	110612	Đỗ Minh Anh	x	25/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.00	8.75	9.50	3.80	Chuyên Anh	34.85	27.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
613	110613	Trần Minh Anh	x	05/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	5.75	9.25	2.10	Chuyên Anh	23.20	19.00
614	110614	Trịnh Nam Anh		10/12/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	8.50	9.50	4.60	Chuyên Anh	32.95	23.75
615	110615	Trần Ngọc Lan Anh	x	15/10/2010	THCS Thắng Nhất	8.25	8.75	9.25	4.40	Chuyên Anh	35.05	26.25
616	110616	Trần Ngô Phương Anh	x	16/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	8.75	9.75	3.80	Chuyên Anh	33.35	25.75
617	110617	Lê Nguyễn Minh Anh	x	06/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.50	9.75	6.30	Chuyên Anh	39.60	27.00
618	110618	Võ Quốc Anh		16/07/2010	THCS Phước Thắng	8.50	9.00	10.00	6.80	Chuyên Anh	41.10	27.50
619	110619	Lê Quỳnh Anh	x	06/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.50	4.40	Chuyên Anh	35.05	26.25
620	110620	Vũ Quỳnh Anh	x	08/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	8.75	8.00	2.10	Chuyên Anh	28.95	24.75
621	110621	Nguyễn Thị Vân Anh	x	23/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.75	6.90	Chuyên Anh	40.55	26.75
622	110622	Trịnh Trang Anh	x	26/09/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.00	8.75	3.70	Chuyên Anh	32.15	24.75
623	110623	Nguyễn Trần Lan Anh	x	22/05/2010	TH-THCS-THPT Happy School	7.50	8.50	9.25	3.90	Chuyên Anh	33.05	25.25
624	110624	Dương Tuấn Anh		09/04/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	8.75	9.25	3.50	Chuyên Anh	32.75	25.75
625	110625	Đặng Việt Anh		30/06/2010	THCS Lê Quang Cường	6.75	8.75	9.75	4.50	Chuyên Anh	34.25	25.25
626	110626	Phạm Vũ Minh Anh	x	12/12/2010	THCS Vũng Tàu	8.50	9.00	9.75	4.40	Chuyên Anh	36.05	27.25
627	110627	Thân Lê Minh Ánh	x	05/03/2010	THCS Lê Quang Cường	8.50	9.50	9.50	5.70	Chuyên Anh	38.90	27.50
628	110628	Hồ Viết Minh Ân		18/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	9.75	7.10	Chuyên Anh	40.95	26.75
629	110629	Hoàng Gia Bảo		04/10/2010	THCS Thắng Nhất	5.25	6.50	8.75	3.00	Chuyên Anh	26.50	20.50
630	110630	Trần Hoàng Gia Bảo		21/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.50	9.00	9.25	2.80	Chuyên Anh	31.35	26.75
631	110631	Đinh Thái Bảo		06/03/2010	THCS Duy Tân	7.75	9.00	9.50	3.80	Chuyên Anh	33.85	26.25
632	110632	Nguyễn Trần Gia Bảo		28/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	7.75	9.50	6.00	Chuyên Anh	36.50	24.50
633	110633	Đỗ Vương Bảo		13/02/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	9.50	9.50	6.00	Chuyên Anh	37.75	25.75
634	110634	Hoàng Công Bách		30/10/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	8.25	8.50	2.70	Chuyên Anh	29.15	23.75
635	110635	Cù Lâm Bách		19/01/2010	THCS Trần Phú	8.00	9.00	10.00	5.30	Chuyên Anh	37.60	27.00
636	110636	Trần Quốc Bách		17/09/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.50	9.00	9.75	3.50	Chuyên Anh	33.25	26.25
637	110637	Nguyễn Thị Thanh Bình	x	15/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	7.25	9.50	3.10	Chuyên Anh	29.45	23.25
638	110638	Hà Lê Minh Châu	x	27/10/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.00	9.25	4.50	Chuyên Anh	35.25	26.25
639	110639	Dương Khánh Chi	x	31/03/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	8.25	9.50	4.00	Chuyên Anh	33.25	25.25
640	110640	Hoàng Nguyễn Quỳnh Chi	x	03/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.25	5.10	Chuyên Anh	36.45	26.25
641	110641	Hồ Quỳnh Chi	x	29/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	8.50	9.25	5.40	Chuyên Anh	36.30	25.50
642	110642	Nguyễn Ngọc Diệp	x	06/03/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	7.75	9.75	2.90	Chuyên Anh	30.30	24.50
643	110643	Nguyễn Hoàng Diệu		11/10/2010	Học viện Anh Quốc	4.75	8.50	9.50	5.80	Chuyên Anh	34.35	24.25
644	110644	Trần Tuệ Doanh	x	01/11/2010	THCS Trần Phú	6.50	8.75	8.50	6.10	Chuyên Anh	35.95	23.75
645	110645	Trần Đỗ Phương Dung	x	20/07/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.75	8.75	8.75	3.60	Chuyên Anh	33.45	26.25
646	110646	Lê Thùy Dung	x	26/08/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	9.00	9.00	4.80	Chuyên Anh	35.35	25.75
647	110647	Phùng Khương Duy		17/11/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.25	9.50	9.75	4.80	Chuyên Anh	36.10	26.50
648	110648	Bùi Nhật Duy		04/03/2010	THCS Duy Tân	6.50	9.00	9.50	3.30	Chuyên Anh	31.60	25.00
649	110649	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	x	18/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	9.00	9.25	3.70	Chuyên Anh	32.40	25.00
650	110650	Nguyễn Đức Dũng		08/04/2010	Học viện Anh Quốc	6.00	9.00	8.25	5.20	Chuyên Anh	33.65	23.25
651	110651	Nguyễn Minh Dũng		30/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.50	9.00	8.75	3.50	Chuyên Anh	32.25	25.25
652	110652	Mai Ngọc Dũng		18/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	10.00	8.00	4.10	Chuyên Anh	33.95	25.75
653	110653	Nguyễn Hải Dương		12/01/2010	THCS Châu Đức	7.00	9.00	9.25	4.40	Chuyên Anh	34.05	25.25
654	110654	Lưu Nguyễn Ánh Dương	x	02/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.25	8.50	9.00	2.10	Chuyên Anh	28.95	24.75
655	110655	Trương Quốc Đạt		19/07/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	9.00	9.00	4.90	Chuyên Anh	34.55	24.75
656	110656	Trần Tuấn Đạt		08/11/2010	THCS Châu Thành	8.25	8.75	8.75	3.30	Chuyên Anh	32.35	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
657	110657	Nguyễn Minh Đức		10/02/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.50	9.00	9.25	3.70	Chuyên Anh	33.15	25.75
658	110658	Trần Minh Đức		26/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	10.00	4.70	Chuyên Anh	35.90	26.50
659	110659	Trần Minh Đức		28/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.25	7.75	8.75	1.80	Chuyên Anh	27.35	23.75
660	110660	Lâm Đặng Hương Giang	x	11/09/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.25	9.00	9.50	4.30	Chuyên Anh	35.35	26.75
661	110661	Phạm Lam Giang	x	11/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.00	9.75	7.00	Chuyên Anh	41.50	27.50
662	110662	Võ Thu Giang	x	19/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.00	9.50	4.50	Chuyên Anh	36.25	27.25
663	110663	Ninh Trường Giang		29/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.75	7.00	Chuyên Anh	40.75	26.75
664	110664	Vũ Đỗ Thanh Hà	x	18/08/2010	THCS Thăng Nhất	6.00	9.00	9.00	1.60	Chuyên Anh	27.20	24.00
665	110665	Vũ Nguyễn Bảo Hà	x	07/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.25	9.00	6.30	Chuyên Anh	38.85	26.25
666	110666	Trần Nguyễn Thanh Hà	x	22/12/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	9.50	9.25	4.10	Chuyên Anh	34.95	26.75
667	110667	Bùi Nguyễn Việt Hà	x	19/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	9.00	8.75	9.75	5.50	Chuyên Anh	38.50	27.50
668	110668	Lê Nhật Hà	x	06/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.75	7.75	3.10	Chuyên Anh	28.95	22.75
669	110669	Đậu Thị Thanh Hà	x	13/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.50	8.75	9.75	5.10	Chuyên Anh	36.20	26.00
670	110670	Dương Thu Hà	x	22/12/2010	THCS Duy Tân	8.25	9.00	9.50	5.10	Chuyên Anh	36.95	26.75
671	110671	Phan Quang Hào		29/05/2010	THCS Thăng Nhất	8.00	8.75	9.50	5.60	Chuyên Anh	37.45	26.25
672	110672	Đỗ Hoàng Hải		07/12/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	9.75	5.90	Chuyên Anh	38.55	26.75
673	110673	Hồ Nguyên Hải		30/11/2010	THCS Vũng Tàu	7.25	8.75	8.25	2.70	Chuyên Anh	29.65	24.25
674	110674	Trần Nguyễn Nhật Hạ	x	29/05/2010	THCS Trần Phú	8.00	9.00	9.25	4.80	Chuyên Anh	35.85	26.25
675	110675	Nguyễn Bích Hằng	x	05/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.50	9.75	6.80	Chuyên Anh	41.10	27.50
676	110676	Bùi Bảo Hân	x	15/05/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.50	9.50	9.25	3.90	Chuyên Anh	35.05	27.25
677	110677	Nguyễn Diệu Hân	x	14/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.25	9.00	9.25	4.00	Chuyên Anh	35.50	28.50
678	110678	Trần Trọng Hiếu		25/04/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.25	9.00	9.00	3.70	Chuyên Anh	32.65	25.25
679	110679	Lê An Hoài	x	03/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.25	9.50	7.30	Chuyên Anh	42.10	27.50
680	110680	Nguyễn Hoàng		30/03/2010	THCS Trần Phú	6.50	9.00	9.00	3.30	Chuyên Anh	31.10	24.50
681	110681	Lê Huy Hoàng		25/02/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	6.50	8.50	9.50	5.20	Chuyên Anh	34.90	24.50
682	110682	Đoàn Mai Hồng	x	13/04/2010	THCS Lê Quang Cường	7.00	8.75	8.75	3.60	Chuyên Anh	31.70	24.50
683	110683	Phan Đức Minh Huy		23/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	9.00	10.00	5.50	Chuyên Anh	38.00	27.00
684	110684	Lưu Gia Huy		30/07/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.50	8.25	8.00	1.90	Chuyên Anh	27.55	23.75
685	110685	Trần Gia Huy		16/06/2010	THCS Chu Văn An (PM)	6.25	9.00	9.00	4.80	Chuyên Anh	33.85	25.25
686	110686	Nguyễn Hoàng Huy		25/02/2010	THCS Trần Phú	7.00	9.00	9.50	5.10	Chuyên Anh	35.70	25.50
687	110687	Phạm Khắc Huy		24/01/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	8.75	8.75	4.40	Chuyên Anh	31.30	22.50
688	110688	Bùi Lê Gia Huy		23/10/2010	THCS Trần Phú	6.75	8.75	9.75	5.30	Chuyên Anh	35.85	25.25
689	110689	Chu Thanh Huyền	x	22/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.50	10.00	7.80	Chuyên Anh	43.85	28.25
690	110690	Nguyễn Đình Nam Hùng		26/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.00	9.50	9.75	6.50	Chuyên Anh	38.25	25.25
691	110691	Nguyễn Hưng		30/03/2010	THCS Trần Phú	6.00	8.75	9.75	3.40	Chuyên Anh	31.30	24.50
692	110692	Nguyễn Như Dương Hưng		26/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	8.25	8.50	9.25	4.00	Chuyên Anh	34.00	26.00
693	110693	Bùi Quang Hưng		24/11/2010	THCS Huỳnh Tịnh Của	5.00	8.75	9.50	2.90	Chuyên Anh	29.05	23.25
694	110694	Vũ Quỳnh Hương	x	28/10/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.50	9.50	9.75	5.30	Chuyên Anh	37.35	26.75
695	110695	Trần Thu Hương	x	28/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.50	9.00	9.00	3.60	Chuyên Anh	32.70	25.50
696	110696	Vũ Nguyên Khang		09/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.00	9.75	4.60	Chuyên Anh	34.70	26.50
697	110697	Đỗ Nhất Khang		31/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	9.25	9.75	3.70	Chuyên Anh	32.90	25.50
698	110698	Dương Trần Nhã Khanh	x	09/05/2010	THCS Vũng Tàu	6.50	7.50	9.75	5.50	Chuyên Anh	34.75	23.75
699	110699	Huỳnh Bảo Khánh		01/10/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.00	9.00	10.00	4.50	Chuyên Anh	35.00	26.00
700	110700	Dương Ngân Khánh	x	01/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	10.00	5.50	Chuyên Anh	37.25	26.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
701	110701	Lê Ngân Khánh	x	10/10/2010	THCS Duy Tân	6.75	9.00	9.25	3.50	Chuyên Anh	32.00	25.00
702	110702	Nguyễn Ngọc Khánh	x	25/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	9.00	9.50	9.25	7.60	Chuyên Anh	42.95	27.75
703	110703	Nguyễn Quốc Khánh		27/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	9.75	4.20	Chuyên Anh	34.15	25.75
704	110704	Nguyễn Võ Phúc Khánh	x	25/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.50	9.50	10.00	7.90	Chuyên Anh	43.80	28.00
705	110705	Mã Đăng Khoa		27/02/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	9.00	9.75	5.40	Chuyên Anh	36.30	25.50
706	110706	Hoàng Vinh Khoa		04/02/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.25	8.75	9.25	6.60	Chuyên Anh	39.45	26.25
707	110707	Trần Anh Khôi		08/11/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.75	8.50	9.75	5.80	Chuyên Anh	37.60	26.00
708	110708	Trần Đăng Khôi		21/05/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.25	9.50	9.50	4.90	Chuyên Anh	36.05	26.25
709	110709	Phạm Nam Khôi		08/08/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.00	8.50	9.25	4.20	Chuyên Anh	33.15	24.75
710	110710	Hồ Võ Đăng Khôi		03/10/2010	Học viện Anh Quốc					Chuyên Anh	0.00	0.00
711	110711	Võ Hoàng Ngọc Khuê	x	04/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	10.00	4.60	Chuyên Anh	36.20	27.00
712	110712	Nguyễn Mạnh Nhã Khuyên	x	08/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.50	9.00	3.80	Chuyên Anh	31.85	24.25
713	110713	Nguyễn Trung Kiên		20/05/2010	THCS Duy Tân	8.25	9.50	9.00	4.20	Chuyên Anh	35.15	26.75
714	110714	Đặng Tuấn Kiệt		24/03/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	10.00	5.70	Chuyên Anh	38.40	27.00
715	110715	Lê Gia Kỳ	x	12/03/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.75	9.75	5.60	Chuyên Anh	35.70	24.50
716	110716	Trần Nguyễn Quỳnh Lam	x	01/12/2009	THCS Trần Phú	6.50	7.75	9.00	4.10	Chuyên Anh	31.45	23.25
717	110717	Phạm Bảo Lâm		27/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	9.00	9.50	6.90	Chuyên Anh	37.30	23.50
718	110718	Lê Nguyễn Quang Lâm		05/02/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.50	9.00	2.80	Chuyên Anh	29.60	24.00
719	110719	Nguyễn Nhị Hoàng Lâm		09/03/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.00	9.75	4.30	Chuyên Anh	34.35	25.75
720	110720	Huỳnh Thị Tú Liên	x	13/03/2010	THCS Vũng Tàu	7.50	9.00	8.75	4.90	Chuyên Anh	35.05	25.25
721	110721	Nguyễn Bảo Linh	x	21/07/2010	TH-THCS-THPT Happy School	7.75	9.50	10.00	6.10	Chuyên Anh	39.45	27.25
722	110722	Hoàng Cát Linh	x	11/05/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.00	8.75	9.50	3.30	Chuyên Anh	31.85	25.25
723	110723	Hoàng Diệu Linh	x	16/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.25	9.50	6.10	Chuyên Anh	38.70	26.50
724	110724	Nguyễn Hải Linh	x	05/08/2010	THCS Phước Thắng	7.25	8.75	9.50	6.20	Chuyên Anh	37.90	25.50
725	110725	Đỗ Khánh Linh	x	12/10/2010	THCS Lê Quang Cường	7.25	9.00	9.75	5.00	Chuyên Anh	36.00	26.00
726	110726	Mai Khánh Linh	x	12/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	9.75	5.50	Chuyên Anh	37.00	26.00
727	110727	Nguyễn Khánh Linh	x	13/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	7.25	9.50	3.40	Chuyên Anh	31.80	25.00
728	110728	Nguyễn Khánh Linh	x	11/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	10.00	4.20	Chuyên Anh	35.15	26.75
729	110729	Nguyễn Khánh Linh	x	19/03/2010	THCS Kim Đồng	8.50	9.00	10.00	4.00	Chuyên Anh	35.50	27.50
730	110730	Trần Khánh Linh	x	23/05/2010	THCS Vũng Tàu	7.00	9.00	9.75	6.70	Chuyên Anh	39.15	25.75
731	110731	Vũ Khánh Linh	x	31/07/2010	THCS Vũng Tàu	6.50	9.00	9.50	6.30	Chuyên Anh	37.60	25.00
732	110732	Nguyễn Mai Linh	x	22/04/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	9.00	9.25	3.70	Chuyên Anh	33.65	26.25
733	110733	Chường Mỹ Linh	x	10/04/2010	THCS Chu Văn An (PM)	7.00	8.25	9.50	6.00	Chuyên Anh	36.75	25.75
734	110734	Cù Mỹ Linh	x	20/10/2010	THCS Trần Phú	7.00	8.75	9.25	4.40	Chuyên Anh	33.80	25.00
735	110735	Nguyễn Ngọc Linh	x	26/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.50	9.50	4.70	Chuyên Anh	35.40	26.00
736	110736	Trần Ngọc Linh	x	21/10/2010	THCS Duy Tân	8.00	9.00	9.25	6.70	Chuyên Anh	39.65	26.25
737	110737	Vũ Ngọc Khánh Linh	x	10/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.25	9.25	5.60	Chuyên Anh	38.45	27.25
738	110738	Nguyễn Ngọc Phương Linh	x	14/01/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	8.75	9.75	4.30	Chuyên Anh	34.85	26.25
739	110739	Trịnh Nguyễn Khánh Linh	x	15/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	9.50	2.90	Chuyên Anh	31.55	25.75
740	110740	Lê Phương Linh	x	27/12/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.75	9.00	9.75	5.10	Chuyên Anh	36.70	26.50
741	110741	Nguyễn Phương Linh	x	16/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.75	5.60	Chuyên Anh	37.70	26.50
742	110742	Nguyễn Thảo Linh	x	23/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.75	5.80	Chuyên Anh	38.35	26.75
743	110743	Nguyễn Thị Phương Linh	x	22/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.00	3.90	Chuyên Anh	33.80	26.00
744	110744	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	28/09/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.75	9.00	9.50	5.60	Chuyên Anh	37.45	26.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
745	110745	Nguyễn Tường Linh	x	19/03/2010	THCS Kim Đồng	7.75	8.75	9.50	4.10	Chuyên Anh	34.20	26.00
746	110746	Luo Từ Linh	x	10/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.50	9.00	2.50	Chuyên Anh	28.00	23.00
747	110747	Tạ Bích Loan	x	22/05/2010	TH-THCS-THPT Việt Mỹ	6.50	8.75	9.75	7.10	Chuyên Anh	39.20	26.00
748	110748	Nguyễn Minh Long		11/02/2010	THCS Trần Phú	6.75	8.75	9.75	6.00	Chuyên Anh	37.25	25.25
749	110749	Hoàng Tuấn Long		06/08/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.00	9.75	4.50	Chuyên Anh	34.50	25.50
750	110750	Đỗ Thành Lợi		01/06/2010	THCS Vũng Tàu	6.25	8.00	10.00	3.70	Chuyên Anh	31.65	24.25
751	110751	Nguyễn Phương Mai	x	04/07/2010	THCS Bưng Riềng	7.25	9.00	9.50	4.20	Chuyên Anh	34.15	25.75
752	110752	Tạ Phương Mai	x	05/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.25	6.90	Chuyên Anh	39.80	26.00
753	110753	Nguyễn Quỳnh Mai	x	13/12/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	8.75	9.25	5.80	Chuyên Anh	37.60	26.00
754	110754	Lê Trần Xuân Mai	x	07/02/2010	THCS Thắng Nhất	8.25	9.00	9.50	4.00	Chuyên Anh	34.75	26.75
755	110755	Ninh Xuân Ngọc Mai	x	05/04/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.00	9.50	5.30	Chuyên Anh	37.10	26.50
756	110756	Nguyễn Hà Mí	x	14/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.25	4.70	Chuyên Anh	35.15	25.75
757	110757	Phan Vũ Mộc Miên	x	02/02/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.75	9.75	4.90	Chuyên Anh	35.55	26.75
758	110758	Hoàng Bảo Minh	x	23/02/2010	THCS Nguyễn Du	8.75	9.50	9.00	3.70	Chuyên Anh	34.65	27.25
759	110759	Nguyễn Bình Minh		03/03/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.25	9.25	9.75	6.00	Chuyên Anh	38.25	26.25
760	110760	Lê Công Minh		11/02/2010	THCS Thắng Nhì	6.25	9.00	8.75	2.30	Chuyên Anh	28.60	25.50
761	110761	Đàm Đỗ Nguyệt Minh	x	13/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.25	4.70	Chuyên Anh	36.15	26.75
762	110762	Ngô Đức Minh		06/10/2010	THCS Thắng Nhất	7.75	9.00	9.75	6.70	Chuyên Anh	39.90	26.50
763	110763	Nguyễn Đức Minh		23/07/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	5.00	9.00	9.50	4.90	Chuyên Anh	33.30	23.50
764	110764	Đỗ Hoàng Minh		10/03/2010	THCS Châu Thành	8.75	9.00	9.25	4.80	Chuyên Anh	36.60	27.00
765	110765	Nguyễn Phúc Minh		13/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.00	8.75	2.20	Chuyên Anh	29.40	25.00
766	110766	Phạm Quang Minh		01/01/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.00	9.25	10.00	5.40	Chuyên Anh	37.05	26.25
767	110767	Trần Quốc Minh		21/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.50	9.75	3.10	Chuyên Anh	32.45	26.25
768	110768	Vũ Tiến Minh		20/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.25	9.00	9.50	6.90	Chuyên Anh	40.55	26.75
769	110769	Trần Trọng Minh		21/02/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	8.75	9.25	4.40	Chuyên Anh	33.80	25.00
770	110770	Nguyễn Ngọc Trà My	x	09/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	8.00	9.00	9.75	5.30	Chuyên Anh	37.35	26.75
771	110771	Nguyễn Vũ Hà My	x	13/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	9.25	10.00	6.50	Chuyên Anh	39.50	26.50
772	110772	Phạm Vũ Quỳnh My	x	04/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.75	9.25	3.80	Chuyên Anh	32.60	25.00
773	110773	Hoàng Hòa Mỹ	x	02/10/2010	THCS Hoà Hiệp	7.00	9.00	8.75	4.20	Chuyên Anh	33.15	25.75
774	110774	Trương An Nam		02/02/2010	THCS Trần Phú	6.75	9.00	9.75	4.60	Chuyên Anh	34.70	25.50
775	110775	Trịnh Đình Nam		29/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	6.00	9.00	10.00	4.50	Chuyên Anh	34.00	25.00
776	110776	Lê Hoàng Nam		31/03/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	6.75	9.50	9.50	4.40	Chuyên Anh	34.55	25.75
777	110777	Lê Hoàng Nam		19/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.50	9.50	5.30	Chuyên Anh	35.35	24.75
778	110778	Phan Nhật Nam		28/07/2010	THCS Văn Lương	6.25	8.75	9.25	3.80	Chuyên Anh	31.85	24.25
779	110779	Đỗ Như Tiến Nam		27/08/2010	THCS Phước Bửu	7.75	8.75	9.50	6.10	Chuyên Anh	38.20	26.00
780	110780	Bùi Phương Nam		20/09/2010	THCS Trần Phú	7.00	9.00	9.50	5.20	Chuyên Anh	35.90	25.50
781	110781	Bùi Phương Nga	x	18/12/2010	THCS Trần Phú	8.75	9.50	10.00	5.90	Chuyên Anh	40.05	28.25
782	110782	Hoàng Phương Nga	x	08/09/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	8.50	9.75	3.60	Chuyên Anh	33.70	26.50
783	110783	Nguyễn Lê Thiên Ngân	x	18/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.50	9.25	4.10	Chuyên Anh	34.45	26.25
784	110784	Đỗ Ngọc Phương Ngân	x	13/04/2010	THCS Huỳnh Tịnh Của	5.50	7.50	8.25	2.70	Chuyên Anh	26.65	21.25
785	110785	Trần Thanh Ngân	x	18/04/2010	Học viện Anh Quốc	6.50	9.00	8.75	6.10	Chuyên Anh	36.45	24.25
786	110786	Trương Thị Bạch Ngân	x	10/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.25	9.00	9.25	4.10	Chuyên Anh	34.70	26.50
787	110787	Hoàng Gia Nghi	x	26/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	8.50	9.75	4.10	Chuyên Anh	33.95	25.75
788	110788	Trần Ngọc Bảo Nghi	x	29/04/2010	THCS Huỳnh Tịnh Của	7.25	8.50	9.75	3.90	Chuyên Anh	33.30	25.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
789	110789	Lê Nguyễn Phương Nghi	x	27/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.25	10.00	6.10	Chuyên Anh	39.45	27.25
790	110790	Nguyễn Phan Tuệ Nghi	x	06/07/2010	THCS Châu Thành	7.25	9.00	9.00	4.20	Chuyên Anh	33.65	25.25
791	110791	Hồ Phạm Tuyết Nghi	x	25/12/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	7.50	9.50	3.00	Chuyên Anh	29.25	24.25
792	110792	Trần Phương Nghi	x	17/12/2010	THCS Châu Thành	6.25	9.00	9.75	3.60	Chuyên Anh	32.20	25.00
793	110793	Bùi Trọng Nghĩa		12/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	8.75	9.75	3.50	Chuyên Anh	31.50	24.50
794	110794	Nguyễn Dương Hồng Ngọc	x	19/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.50	9.50	9.50	5.50	Chuyên Anh	37.50	26.50
795	110795	Nguyễn Lê Minh Ngọc	x	24/12/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.75	9.00	9.75	3.60	Chuyên Anh	32.70	25.50
796	110796	Trần Thị Như Ngọc	x	25/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.25	8.00	9.50	2.00	Chuyên Anh	27.75	23.75
797	110797	Bùi Trần Bảo Ngọc	x	07/02/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.00	9.50	9.00	3.60	Chuyên Anh	33.70	26.50
798	110798	Nguyễn Vũ Mỹ Ngọc	x	11/04/2010	THCS Thắng Nhất	7.00	8.75	9.75	5.70	Chuyên Anh	36.90	25.50
799	110799	Lê Công Khôi Nguyên		23/08/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.25	9.00	9.50	5.20	Chuyên Anh	37.15	26.75
800	110800	Phan Hạnh Nguyên	x	18/10/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.50	8.25	9.25	4.60	Chuyên Anh	34.20	25.00
801	110801	Đỗ Thảo Nguyên	x	10/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	8.25	8.75	9.75	5.10	Chuyên Anh	36.95	26.75
802	110802	Thái Bảo Nhân		12/04/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.50	9.00	9.50	2.30	Chuyên Anh	30.60	26.00
803	110803	Dương Lê Hạnh Nhân	x	21/01/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.50	8.75	9.25	3.70	Chuyên Anh	31.90	24.50
804	110804	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	x	21/01/2010	THCS Kim Long	7.50	8.50	9.25	3.90	Chuyên Anh	33.05	25.25
805	110805	Trương Nguyễn Yến Nhi	x	17/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.50	5.50	Chuyên Anh	38.00	27.00
806	110806	Lê An Nhiên	x	28/03/2010	THCS Lê Quang Cường	7.00	8.75	9.00	3.80	Chuyên Anh	32.35	24.75
807	110807	Lê Nguyễn Quỳnh Như	x	09/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	8.75	9.25	4.10	Chuyên Anh	32.95	24.75
808	110808	Nguyễn Quỳnh Như	x	27/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	9.50	9.75	6.70	Chuyên Anh	39.40	26.00
809	110809	Vũ Đức Phát		30/01/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	9.00	9.25	3.10	Chuyên Anh	29.95	23.75
810	110810	Huỳnh Lâm Phi		11/08/2010	THCS Phước Thắng	6.25	9.00	10.00	6.10	Chuyên Anh	37.45	25.25
811	110811	Trần Tường Phong		01/05/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.00	9.00	9.75	3.80	Chuyên Anh	32.35	24.75
812	110812	Nguyễn Việt Minh Phú		03/02/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	9.50	9.50	7.10	Chuyên Anh	39.95	25.75
813	110813	Ngô Gia Thiên Phúc		12/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	9.00	9.75	5.20	Chuyên Anh	33.15	22.75
814	110814	Nguyễn Minh Phúc		21/08/2010	THCS Châu Thành	7.75	10.00	9.25	3.30	Chuyên Anh	33.60	27.00
815	110815	Trương Quang Phúc		30/08/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	9.00	9.75	3.30	Chuyên Anh	30.60	24.00
816	110816	Lương Vĩnh Phúc		22/10/2010	THCS Việt Nam - Singapore	4.00	8.50	9.75	3.40	Chuyên Anh	29.05	22.25
817	110817	Lê Xuân Phúc		14/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.75	8.75	9.75	4.40	Chuyên Anh	33.05	24.25
818	110818	Nguyễn Thiên Kim Phụng	x	25/02/2010	THCS Thắng Nhất	5.50	8.75	8.75	2.60	Chuyên Anh	28.20	23.00
819	110819	Đỗ Mai Phương	x	08/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	9.00	9.75	4.10	Chuyên Anh	34.70	26.50
820	110820	Trần Mai Hải Phương	x	07/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.00	8.75	9.50	6.00	Chuyên Anh	36.25	24.25
821	110821	Võ Ngọc Mai Phương	x	22/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	9.00	9.75	5.70	Chuyên Anh	36.40	25.00
822	110822	Lê Thị Lan Phương	x	20/02/2010	THCS Lê Hồng Phong	7.00	8.75	9.00	4.10	Chuyên Anh	32.95	24.75
823	110823	Hoàng Thị Mai Phương	x	11/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.25	8.75	9.25	3.00	Chuyên Anh	30.25	24.25
824	110824	Nguyễn Đăng Quang		02/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.75	9.00	5.10	Chuyên Anh	32.95	22.75
825	110825	Vũ Minh Quang		05/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.25	8.75	8.75	3.90	Chuyên Anh	30.55	22.75
826	110826	Đặng Minh Quân		27/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	5.25	8.00	9.25	5.60	Chuyên Anh	33.70	22.50
827	110827	Phạm Ngọc Hoàng Quân		11/12/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	8.75	9.50	6.20	Chuyên Anh	35.15	22.75
828	110828	Nguyễn Vũ Minh Quân		16/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.50	9.00	9.25	7.40	Chuyên Anh	39.55	24.75
829	110829	Nguyễn Trần Thục Quyên	x	03/01/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.50	9.00	10.00	6.20	Chuyên Anh	38.90	26.50
830	110830	Nguyễn Phúc Bảo Quỳnh	x	22/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.00	9.00	3.60	Chuyên Anh	31.45	24.25
831	110831	Trương Tấn Tài		04/01/2010	THCS Trần Phú	6.50	8.75	9.75	5.00	Chuyên Anh	35.00	25.00
832	110832	Phạm Hải Tâm		19/02/2010	THCS Vũng Tàu	7.00	9.00	9.75	5.60	Chuyên Anh	36.95	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
833	110833	Đinh Nguyễn Minh Tâm	x	24/05/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.50	9.25	9.25	4.50	Chuyên Anh	36.00	27.00
834	110834	Đinh Quang Thành		15/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.50	8.75	9.25	4.10	Chuyên Anh	32.70	24.50
835	110835	Nguyễn Trọng Thành		27/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	8.75	9.25	1.80	Chuyên Anh	26.60	23.00
836	110836	Nguyễn Thắng		23/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.75	9.75	5.00	Chuyên Anh	34.00	24.00
837	110837	Đặng Phước Hưng Thịnh		20/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.25	9.75	5.70	Chuyên Anh	37.40	26.00
838	110838	Nguyễn Trịnh Mai Thu	x	04/03/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	7.00	8.75	9.25	4.30	Chuyên Anh	33.60	25.00
839	110839	Lê Minh Phương Thủy	x	14/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.25	9.00	9.50	3.60	Chuyên Anh	31.95	24.75
840	110840	Nguyễn Thanh Thủy	x	29/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	6.75	8.50	9.50	3.90	Chuyên Anh	32.55	24.75
841	110841	Trịnh Thanh Thủy	x	24/12/2010	THCS Châu Thành	7.50	9.50	10.00	6.40	Chuyên Anh	39.80	27.00
842	110842	Nguyễn Anh Thúy	x	21/04/2010	THCS Duy Tân	6.00	9.00	10.00	7.60	Chuyên Anh	40.20	25.00
843	110843	Nguyễn Anh Thư	x	01/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.25	7.25	2.60	Chuyên Anh	26.70	21.50
844	110844	Đỗ Hoàng Song Thư	x	14/01/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.50	9.00	9.75	4.70	Chuyên Anh	35.65	26.25
845	110845	Đoàn Mai Anh Thư	x	22/09/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.00	9.00	9.75	6.90	Chuyên Anh	40.55	26.75
846	110846	Nguyễn Minh Thư	x	28/01/2010	THCS Duy Tân	8.00	9.00	10.00	7.50	Chuyên Anh	42.00	28.00
847	110847	Nguyễn Phạm Minh Thư	x	02/11/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	5.00	9.50	9.25	6.80	Chuyên Anh	37.35	23.75
848	110848	Lê Anh Thy	x	31/03/2010	THCS Vũng Tàu	5.00	8.75	9.75	4.20	Chuyên Anh	31.90	23.50
849	110849	Nguyễn Hải Tiên	x	15/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	9.00	9.75	3.00	Chuyên Anh	31.25	25.25
850	110850	Phạm Lê Cát Tiên	x	12/02/2010	TH-THCS-THPT Việt Mỹ	5.75	8.50	8.75	3.10	Chuyên Anh	29.20	23.00
851	110851	Nguyễn Minh Tiến		18/03/2010	THCS Vũng Tàu	8.75	9.00	9.25	5.40	Chuyên Anh	37.80	27.00
852	110852	Lê Ngọc Tiến		19/03/2010	THCS Phước Thắng	7.00	9.00	9.25	5.00	Chuyên Anh	35.25	25.25
853	110853	Lê Trung Tiến		10/03/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	6.25	9.00	9.00	4.10	Chuyên Anh	32.45	25.25
854	110854	Phạm Vương Thiện Tịnh		30/12/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.75	8.75	8.75	2.80	Chuyên Anh	30.85	25.25
855	110855	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	x	01/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.75	9.50	6.30	Chuyên Anh	38.85	26.25
856	110856	Lương Quỳnh Trâm	x	30/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	8.50	9.75	6.70	Chuyên Anh	39.65	26.25
857	110857	Nguyễn Bảo Trâm	x	03/08/2010	THCS Vũng Tàu	7.50	9.00	9.25	6.70	Chuyên Anh	39.15	25.75
858	110858	Ngô Thị Ngọc Trân	x	15/09/2010	THCS Châu Đức	6.75	9.00	9.75	3.80	Chuyên Anh	33.10	25.50
859	110859	Lê Hải Triều		18/12/2010	THCS Lương Thế Vinh	6.50	9.00	9.25	2.40	Chuyên Anh	29.55	24.75
860	110860	Ngô Trí		23/10/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	7.75	9.50	3.40	Chuyên Anh	28.80	22.00
861	110861	Nguyễn Minh Trung		25/06/2010	THCS Văn Lương	7.25	8.75	9.75	3.70	Chuyên Anh	33.15	25.75
862	110862	Mai Thanh Trúc	x	13/07/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.75	9.50	8.50	3.10	Chuyên Anh	31.95	25.75
863	110863	Phan Thanh Trúc	x	18/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	7.75	8.50	9.00	3.10	Chuyên Anh	31.45	25.25
864	110864	Nguyễn Thị Thanh Trúc	x	13/04/2010	THCS Phước Hưng	6.00	9.00	9.25	3.80	Chuyên Anh	31.85	24.25
865	110865	Phạm Minh Tuấn		03/08/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	9.00	9.25	6.50	Chuyên Anh	37.50	24.50
866	110866	Nguyễn Duy Tuệ		05/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.25	9.50	9.75	4.80	Chuyên Anh	36.10	26.50
867	110867	Phạm Quang Tùng		07/04/2010	THCS Trần Phú	6.00	8.50	9.00	6.10	Chuyên Anh	35.70	23.50
868	110868	Nguyễn Thanh Tùng		01/09/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	7.25	9.00	9.50	5.10	Chuyên Anh	35.95	25.75
869	110869	Lê Hồng Phương Uyên	x	15/04/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.00	9.50	6.60	Chuyên Anh	40.45	27.25
870	110870	Phạm Huỳnh Gia Uyên	x	23/08/2010	THCS Trần Phú	6.75	8.50	9.00	2.20	Chuyên Anh	28.65	24.25
871	110871	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	x	04/04/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.75	8.25	9.50	5.40	Chuyên Anh	37.30	26.50
872	110872	Đậu Nguyễn Phương Uyên	x	06/08/2010	THCS Hoà Hiệp	7.50	8.75	9.50	2.80	Chuyên Anh	31.35	25.75
873	110873	Nguyễn Phương Uyên	x	29/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.75	9.50	4.70	Chuyên Anh	34.90	25.50
874	110874	Phạm Thị Ngọc Uyên	x	17/06/2010	THCS Hắc Dịch	7.25	8.75	9.00	3.80	Chuyên Anh	32.60	25.00
875	110875	Trần Thanh Vân	x	25/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	6.00	9.00	8.50	2.10	Chuyên Anh	27.70	23.50
876	110876	Lê Hoàng Việt		09/12/2009	THCS Lương Thế Vinh	7.75	9.00	9.75	5.30	Chuyên Anh	37.10	26.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
877	110877	Nguyễn Huy Quang Vinh		09/01/2010	THCS Vũng Tàu	7.75	9.00	9.75	4.90	Chuyên Anh	36.30	26.50
878	110878	Dương Phúc Vinh		06/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.00	8.75	9.75	4.00	Chuyên Anh	32.50	24.50
879	110879	Đỗ Tấn Vinh		01/05/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.00	9.00	8.25	2.80	Chuyên Anh	30.85	25.25
880	110880	Nguyễn Việt Hoàng Vũ		15/06/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.25	8.75	9.75	6.20	Chuyên Anh	38.15	25.75
881	110881	Phạm Hương Vy	x	01/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	8.75	8.50	2.60	Chuyên Anh	28.20	23.00
882	110882	Dương Khánh Vy	x	11/11/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	8.50	9.00	8.75	2.60	Chuyên Anh	31.45	26.25
883	110883	Mai Lê Vy	x	21/12/2010	THCS Phước Thạnh	6.75	9.00	9.75	5.70	Chuyên Anh	36.90	25.50
884	110884	Lê Nguyễn Phương Vy	x	02/08/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.75	9.00	9.00	3.60	Chuyên Anh	32.95	25.75
885	110885	Trần Quỳnh Vy	x	31/10/2010	THCS Trần Phú	6.75	8.75	9.75	5.70	Chuyên Anh	36.65	25.25
886	110886	Nguyễn Tường Vy	x	16/11/2010	THCS Phước Thắng	7.75	9.00	9.50	4.20	Chuyên Anh	34.65	26.25
887	110887	Vũ Nguyễn Hải Yến	x	28/04/2010	THCS Lê Quang Cường	7.25	8.75	9.50	5.70	Chuyên Anh	36.90	25.50
888	110888	Vũ Thị Hải Yến	x	22/01/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.50	9.00	9.50	4.60	Chuyên Anh	35.20	26.00
889	110889	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	x	14/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.75	9.00	8.00	Chuyên Sinh	40.75	25.75
890	110890	Tạ Huyền Anh	x	23/05/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	10.00	10.00	8.00	Chuyên Sinh	44.00	28.00
891	110891	Phùng Minh Anh	x	01/02/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.00	8.25	Chuyên Sinh	42.50	26.00
892	110892	Lê Văn Anh	x	16/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	8.75	5.50	5.75	Chuyên Sinh	33.75	22.25
893	110893	Nguyễn Ngọc Băng Châu	x	11/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.00	9.75	5.25	Chuyên Sinh	37.25	26.75
894	110894	Phạm Thị Minh Châu	x	30/07/2010	THCS Phước Thắng	6.75	9.00	8.75	4.00	Chuyên Sinh	32.50	24.50
895	110895	Hoàng Hùng Cường		07/06/2010	THCS Phước Thắng	8.00	9.50	9.25	7.00	Chuyên Sinh	40.75	26.75
896	110896	Trần Thị Thanh Dung	x	02/08/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.00	9.00	9.00	3.50	Chuyên Sinh	33.00	26.00
897	110897	Trần Ngọc Thảo Duy	x	23/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.50	9.25	6.25	Chuyên Sinh	39.25	26.75
898	110898	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	x	20/12/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	8.00	8.75	5.50	2.75	Chuyên Sinh	27.75	22.25
899	110899	Phạm Khánh Đan	x	08/05/2010	THCS Hoà Hiệp	7.25	9.00	9.00	3.00	Chuyên Sinh	31.25	26.25
900	110900	Trần Ngọc Linh Đan	x	16/04/2010	THCS Châu Thành	6.25	8.75	8.25	7.00	Chuyên Sinh	37.25	23.25
901	110901	Hà Đỗ Hải Đăng		24/06/2010	THCS Thắng Nhất	6.00	8.75	6.75	3.00	Chuyên Sinh	27.50	21.50
902	110902	Phạm Anh Đức		25/06/2010	THCS Phước Thắng	7.50	9.00	8.75	5.50	Chuyên Sinh	36.25	25.25
903	110903	Mai Việt Đức		28/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.50	4.75	Chuyên Sinh	35.50	26.50
904	110904	Phạm Hương Giang	x	29/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.75	9.00	9.00	8.25	Chuyên Sinh	43.25	26.75
905	110905	Nguyễn Ngọc Hà	x	20/06/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	6.50	8.25	9.00	6.25	Chuyên Sinh	36.25	23.75
906	110906	Trần Nguyễn Khánh Hà	x	15/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.75	8.00	Chuyên Sinh	42.25	27.25
907	110907	Nguyễn Ngọc Hồng Hải	x	16/02/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	6.75	7.75	8.00	3.50	Chuyên Sinh	29.50	22.50
908	110908	Hoàng Gia Hưng		26/02/2010	THCS Duy Tân	7.75	9.25	7.00	8.00	Chuyên Sinh	40.00	24.00
909	110909	Đoàn Duy Khánh		06/01/2010	THCS Thắng Nhất	8.00	9.50	9.25	5.50	Chuyên Sinh	37.75	26.75
910	110910	Phạm Đăng Khánh		22/07/2010	THCS Châu Thành	8.25	9.00	8.50	8.00	Chuyên Sinh	41.75	25.75
911	110911	Hoàng Quốc Minh Khánh		22/01/2010	Học viện Anh Quốc	6.75	8.50	7.50	5.75	Chuyên Sinh	34.25	22.75
912	110912	Nguyễn Trung Kiên		18/11/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.00	8.75	9.50	8.25	Chuyên Sinh	41.75	25.25
913	110913	Đinh Thị Diễm Kiều	x	05/01/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	8.25	9.25	8.75	7.00	Chuyên Sinh	40.25	26.25
914	110914	Phạm Diệu Linh	x	29/12/2009	THCS Lương Thế Vinh	8.00	9.00	8.00	4.00	Chuyên Sinh	33.00	25.00
915	110915	Lê Hà Linh	x	17/03/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.50	8.75	9.00	5.50	Chuyên Sinh	37.25	26.25
916	110916	Nguyễn Phạm Khánh Linh	x	02/11/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.50	9.00	9.00	5.75	Chuyên Sinh	36.00	24.50
917	110917	Nguyễn Đức Luận		20/09/2010	THCS Hoà Hiệp	7.50	8.50	6.00	4.50	Chuyên Sinh	31.00	22.00
918	110918	Đặng Hà My	x	04/10/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.50	9.25	6.25	Chuyên Sinh	38.25	25.75
919	110919	Võ Hoàng Hà My	x	01/11/2010	THCS Lê Quang Cường	7.50	9.00	8.50	5.50	Chuyên Sinh	36.00	25.00
920	110920	Hồ Thúy Nga	x	16/11/2010	THCS Lương Thế Vinh	8.50	8.75	8.50	4.00	Chuyên Sinh	33.75	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi				Tổng điểm xét chuyên	Tổng điểm xét THPT	
						Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên			
921	110921	Huỳnh Hải Ngân	x	28/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.50	8.75	8.00	5.75	Chuyên Sinh	35.75	24.25
922	110922	Trần Thị Tuyết Ngân	x	27/06/2010	THCS Nguyễn Thái Bình	8.75	8.25	9.50	3.50	Chuyên Sinh	33.50	26.50
923	110923	Đặng Hồng Ngọc	x	30/07/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	8.50	9.75	6.75	Chuyên Sinh	38.75	25.25
924	110924	Nguyễn Thị Thanh Nhân	x	28/03/2010	THCS Nguyễn Du	6.00	8.50	7.25	3.75	Chuyên Sinh	29.25	21.75
925	110925	Bùi Ngọc Thảo Nhi	x	10/01/2010	THCS Huỳnh Tịnh Của	6.50	9.00	9.50	9.00	Chuyên Sinh	43.00	25.00
926	110926	Nguyễn Trần Khánh Nhi	x	20/02/2010	THCS Huỳnh Khương Ninh	7.00	9.00	9.25	3.00	Chuyên Sinh	31.25	25.25
927	110927	Hồ Tuệ Nhi	x	02/06/2010	THCS Ngô Sỹ Liên	7.50	8.75	9.25	5.25	Chuyên Sinh	36.00	25.50
928	110928	Nguyễn Hồng Oai		20/04/2010	THCS Nguyễn Văn Linh	7.00	8.75	8.75	5.25	Chuyên Sinh	35.00	24.50
929	110929	Lê Tấn Phong		15/01/2010	THCS Thắng Nhất	7.50	9.00	9.25	8.00	Chuyên Sinh	41.75	25.75
930	110930	La Đình Phương	x	23/03/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	8.25	9.50	3.00	Chuyên Sinh	30.25	24.25
931	110931	Đặng Thùy Phương	x	24/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.50	8.50	9.25	5.25	Chuyên Sinh	35.75	25.25
932	110932	Bùi Như Quỳnh	x	05/01/2010	THCS Thắng Nhất	5.25	7.50	8.00	3.50	Chuyên Sinh	27.75	20.75
933	110933	Nguyễn Văn Tài		31/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.00	8.50	8.00	6.25	Chuyên Sinh	36.00	23.50
934	110934	Phạm Minh Thắng		28/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	9.00	8.50	7.75	Chuyên Sinh	39.50	24.00
935	110935	Vũ Nguyễn Hoàng Thiện		09/01/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	8.75	9.00	3.75	Chuyên Sinh	32.00	24.50
936	110936	Bùi Thị Minh Thư	x	07/06/2010	THCS Trần Phú	6.50	8.75	6.50	3.50	Chuyên Sinh	28.75	21.75
937	110937	Huỳnh Thị Nha Trang	x	28/12/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	8.25	9.00	9.00	8.25	Chuyên Sinh	42.75	26.25
938	110938	Nguyễn Quang Trung		05/01/2010	THCS Thắng Nhất	5.00	8.50	8.25	5.25	Chuyên Sinh	32.25	21.75
939	110939	Nguyễn Thanh Trúc	x	02/02/2010	THCS Duy Tân	7.00	8.75	9.50	4.25	Chuyên Sinh	33.75	25.25
940	110940	Trần Thị Thanh Tuyền	x	29/03/2010	THCS Phước Thắng	7.25	9.00	9.00	7.50	Chuyên Sinh	40.25	25.25
941	110941	Nguyễn Khánh Vân	x	16/03/2010	THCS Võ Trường Toản (VT)	6.00	8.25	9.25	3.50	Chuyên Sinh	30.50	23.50
942	110942	Phạm Thái Lan Vy	x	26/11/2010	THCS Nguyễn An Ninh	7.00	9.00	8.75	5.75	Chuyên Sinh	36.25	24.75
943	110943	Lê Hải Yến	x	29/03/2010	THCS Nguyễn An Ninh	8.00	9.25	9.25	6.75	Chuyên Sinh	40.00	26.50

Bảng này có 943 thí sinh. Có 941 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.